

**BỘ GIAO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Phạm Thị Thu Hà
Giáo viên phụ trách: ThS.Nguyễn Thị Mai Linh**

HẢI PHÒNG – 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THAN
NAM MẪU - VINACOMIN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Thu Hà
Giáo viên phụ trách: ThS.Nguyễn Thị Mai Linh**

HẢI PHÒNG – 2014

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Thu Hà Mã SV: 1012401306
Lớp: QT1403K Ngành: Kế toán – Kiểm toán
Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty
TNHH một thành viên Than Nam Mẫu – Vinacomin.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ)

- Hệ thống hoá lý luận chung về tổ chức công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.
- Mô tả và đánh giá thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu – Vinacomin
- Đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu – Vinacomin.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu kế toán năm 2013 của Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu – Vinacomin

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu – Vinacomin.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Mai Linh**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu – Vinacomin.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Phạm Thị Thu Hà

Nguyễn Thị Mai Linh

Hải Phòng, ngày..... tháng..... năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết.
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.
- Đảm bảo đúng tiến độ của đề tài theo thời gian đã quy định.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Kết cấu của khoá luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.

Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu – Vinacomin, có số liệu minh họa cụ thể (tháng 6 năm 2013). Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ kế toán logic và hợp lý.

Chương 3, tác giả đã đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu – Vinacomin, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số:

Bằng chữ:

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN

LỜI MỞ ĐẦU 1

CHƯƠNG I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TSCĐ TRONG DOANH NGHIỆP..... 2

1.1 Những vấn đề chung về tài sản cố định trong Doanh nghiệp 2

1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán TSCĐ 2

1.1.2 Khái niệm, đặc điểm và tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ 2

1.1.2.1 Khái niệm và đặc điểm TSCĐ 2

1.1.2.2 Tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ 3

1.1.3 Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán TSCĐ 3

1.1.3.1 Yêu cầu quản lý TSCĐ 3

1.1.3.2 Nhiệm vụ của kế toán TSCĐ 4

1.1.4 Phân loại TSCĐ..... 5

1.1.4.1 Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện 5

1.1.4.2 Phân loại TSCĐ theo nguồn hình thành 5

1.1.4.3 Phân loại theo quyền sở hữu..... 6

1.1.4.4 Phân loại TSCĐ theo tình hình sử dụng và công dụng 6

1.1.5 Đánh giá TSCĐ 6

1.1.5.1 Xác định nguyên giá tài sản cố định..... 7

1.1.5.2 Xác định giá trị hao mòn và khấu hao của TSCĐ 11

1.1.5.3 Xác định giá trị còn lại của TSCĐ..... 12

1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp..... 12

1.2.1 Tổ chức kế toán chi tiết TSCĐ trong doanh nghiệp..... 13

1.2.1.1 Xác định đối tượng ghi TSCĐ..... 13

1.2.1.2 Nội dung kế toán chi tiết TSCĐ 13

1.2.2 Tổ chức kế toán tổng hợp TSCĐ tại doanh nghiệp 15

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng..... 15

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng..... 15

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán..... 16

1.2.3 Kế toán khấu hao TSCĐ 19

1.2.3.1 Xác định thời gian trích khấu hao của TSCĐ..... 19

1.2.3.2 Các phương pháp trích khấu hao TSCĐ..... 19

1.2.3.3	Chứng từ sử dụng.....	22
1.2.3.4	Tài khoản sử dụng.....	22
1.2.3.5	Phương pháp hạch toán.....	23
1.2.4	Kế toán sửa chữa TSCĐ.....	24
1.2.4.1	Kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ.....	24
1.2.4.2	Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ.....	24
1.3	Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán TSCĐ trong Doanh nghiệp.....	26
1.3.1	Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	26
1.3.2	Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	27
1.3.3	Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	28
1.3.4	Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.....	29
1.3.5	Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	30
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THAN NAM MẪU – VINACOMIN.....		31
2.1	Khái quát chung về Công ty.....	31
2.1.1	Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty.....	31
2.2.1	Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.....	32
2.3.1	Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty.....	32
2.4.1	Tổ chức công tác kế toán tại Công ty.....	35
2.1.4.1	Tổ chức bộ máy kế toán.....	35
2.1.4.2	Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty.....	37
2.1.4.3	Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán.....	38
2.1.4.4	Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại Công ty.....	38
2.1.4.5	Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán tại Công ty.....	39
2.2	Thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu – Vinacomin.....	39
2.2.1	Đặc điểm TSCĐ tại Công ty.....	39
2.2.2	Cách phân loại và đánh giá TSCĐ tại Công ty.....	40
2.2.2.1	Phân loại TSCĐ tại Công ty.....	40
2.2.2.2	Đánh giá TSCĐ tại Công ty.....	41
2.2.3	Kế toán chi tiết TSCĐ tại Công ty.....	41
2.2.3.1	Chứng từ sử dụng.....	41
2.2.3.2	Sổ sách sử dụng.....	41

2.2.3.3 Ví dụ minh họa	42
2.2.4 Kế toán tổng hợp tăng, giảm TSCĐ tại Công ty	56
2.2.4.1 Chứng từ sử dụng	56
2.2.4.2 Tài khoản sử dụng	56
2.2.4.3 Quy trình hạch toán	56
2.2.4.4 Ví dụ minh họa	57
2.2.5 Kế toán khấu hao TSCĐ tại Công ty	66
2.2.5.1 Chứng từ khấu hao TSCĐ	66
2.2.5.2 Tài khoản sử dụng	66
2.2.5.3 Ví dụ minh họa	66
2.2.6 Kế toán sửa chữa TSCĐ tại Công ty	70
2.2.6.1 Chứng từ sử dụng	70
2.2.6.2 Tài khoản sử dụng	70
2.2.6.3 Quy trình hạch toán	71
2.2.6.4 Ví dụ minh họa	71
CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC	
KẾ TOÁN TSCĐ TẠI CÔNG TY TNHH MTV THAN NAM MẪU	82
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán TSCĐ tại Công ty	82
3.1.1 Ưu điểm	82
3.1.1.1 Về công tác kế toán nói chung	82
3.1.1.2 Về công tác kế toán TSCĐ	84
3.1.2 Hạn chế trong công tác kế toán TSCĐ tại Công ty	85
3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác hạch toán TSCĐ tại Công ty	
TNHH một thành viên Than Nam Mẫu – Vinacomin	87
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện	87
3.2.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ	88
3.2.2.1 Hoàn thiện về công tác kế toán chi tiết TSCĐ	88
3.2.2.2 Xử lý một số tài sản chưa đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ và xác định lại	
khung thời gian trích khấu hao của một số TSCĐ	90
3.2.2.3 Về hiện đại hóa công tác kế toán	93
3.2.2.4 Một số giải pháp khác	95
KẾT LUẬN	96
TÀI LIỆU THAM KHẢO	97

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này, em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến:

Các thầy, cô giáo trường Đại học Dân lập Hải Phòng – những người đã cho em nền tảng kiến thức, tận tình chỉ bảo những kinh nghiệm thực tế để em hoàn thành thật tốt khóa luận tốt nghiệp.

Cô giáo – ThS. Nguyễn Thị Mai Linh đã hết lòng hỗ trợ và giúp đỡ em từ khâu chọn đề tài, cách thức tiếp cận thực tiễn tại đơn vị thực tập cho đến khi hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

Ban lãnh đạo, các cô, các bác, các anh, chị trong Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu – Vinacomin, đặc biệt các cô chú, anh chị trong phòng Kế toán – Tài chính – Thống kê đã giúp em hiểu được thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tài sản cố định tại công ty nói riêng. Điều đó đã giúp em vận dụng được những kiến thức lý thuyết đã học vào trong bối cảnh thực tế tại công ty, cụ thể là một công ty khai thác và tiêu thụ than. Quá trình thực tập đã cung cấp cho em những kinh nghiệm và kỹ năng quý báu, cần thiết của một kế toán trong tương lai.

Với niềm tin tưởng vào tương lai, sự nỗ lực hết mình không ngừng học hỏi của bản thân cùng với kiến thức và sự giúp đỡ nhiệt tình của cô giáo hướng dẫn Thạc sĩ Nguyễn Thị Mai Linh, các thầy cô, các cô chú và anh chị kế toán đi trước, em xin hứa sẽ trở thành một kế toán viên giỏi và có những bước phát triển hơn nữa cho nghề nghiệp mà em đã chọn, để tự hào góp vào bảng thành tích chung của sinh viên trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

Cuối cùng, em xin kính chúc quý thầy cô, các cô chú, anh chị làm việc tại Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu – Vinacomin luôn dồi dào sức khỏe, thành công và hạnh phúc trong cuộc sống.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

Tài sản cố định (TSCĐ) là một trong những bộ phận cơ bản tạo nên cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân, đồng thời là bộ phận quan trọng quyết định sự sống còn của doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh. Đối với doanh nghiệp, TSCĐ là điều kiện cần thiết để giảm hao phí sức lao động của con người, nâng cao năng suất lao động. Nó thể hiện cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ công nghệ, năng lực và thế mạnh của doanh nghiệp trong việc phát triển sản xuất kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì TSCĐ là yếu tố quan trọng để tạo nên sức mạnh cạnh tranh cho các doanh nghiệp.

Đối với ngành sản xuất, kế toán TSCĐ là một khâu quan trọng trong bộ phận kế toán. Nó cung cấp toàn bộ nguồn số liệu đáng tin cậy về tình hình TSCĐ hiện có của công ty và tình hình tăng giảm TSCĐ... Từ đó tăng cường biện pháp kiểm tra, quản lý chặt chẽ các TSCĐ của công ty.

Xuất phát từ vai trò, tầm quan trọng của công tác hạch toán TSCĐ, trên cơ sở những kiến thức đã học và qua tìm hiểu thực tế, em đã chọn nghiên cứu đề tài **“ Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu – Vinacomin ”** để làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

Nội dung của khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận bao gồm ba chương:

Chương I: Một số vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp

Chương II: Thực trạng công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu – Vinacomin

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu – Vinacomin

Trong thời gian thực tập tại Công ty, mặc dù đã cố gắng hết sức, song do thời gian thực tập có hạn cộng với vốn hiểu biết còn hạn chế nên bài khóa luận chắc hẳn sẽ không tránh khỏi sai sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Những vấn đề chung về tài sản cố định trong Doanh nghiệp

1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp cần phải có đầy đủ các yếu tố đầu vào là: Tư liệu lao động, đối tượng lao động và lao động sống. Tài sản cố định (TSCĐ) là một bộ phận chủ yếu của tư liệu lao động. Nó là tiền đề, là cơ sở để duy trì và thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời nó là yếu tố quyết định đến năng lực sản xuất, trình độ kỹ thuật và quy mô hoạt động của từng doanh nghiệp.

Việc đầu tư trang thiết bị và tổ chức quản lý, sử dụng tài sản cố định là một cách hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm từ đó có biện pháp tăng khả năng cạnh tranh của những sản phẩm doanh nghiệp sản xuất và cung ứng trên thị trường.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý trên, kế toán TSCĐ với tư cách là một công cụ quản lý kinh tế tài chính phải phát huy các nhiệm vụ vai trò chức năng của mình: tổ chức ghi chép phản ánh, tập hợp một cách chính xác đầy đủ kịp thời về số lượng và giá trị hiện có, nhằm giám sát chặt chẽ việc mua sắm đầu tư, bảo quản và sử dụng TSCĐ. Phản ánh kịp thời giá trị hao mòn của TSCĐ trong giá trị sử dụng, tính phân bổ chính xác khấu hao, nhằm thu hồi lại giá trị của TSCĐ.

1.1.2 Khái niệm, đặc điểm và tiêu chuẩn ghi nhận ghi nhận TSCĐ

1.1.2.1 Khái niệm và đặc điểm TSCĐ

Tài sản cố định (TSCĐ) trong các doanh nghiệp là những tư liệu lao động chủ yếu và các tài sản khác có giá trị lớn, tham gia nhiều vào chu kỳ sản xuất kinh doanh và giá trị của nó được chuyển dịch dần dần, từng phần vào giá trị sản phẩm, dịch vụ được sản xuất ra trong các chu kỳ sản xuất.

TSCĐ là những tài sản có thể có hình thái vật chất cụ thể và cũng có thể tồn tại dưới hình thái giá trị được sử dụng để thực hiện một hoặc một số chức năng nhất định trong quá trình sản xuất kinh doanh. Hay nói cách khác TSCĐ là những tư liệu lao động dùng trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, truyền

dẫn.... Tuy nhiên không phải mọi tư liệu lao động đều là TSCĐ mà chỉ có những tài sản thỏa mãn các điều kiện của chuẩn mực kế toán và chế độ tài chính kế toán của Nhà nước quy định phù hợp trong thời kỳ.

TSCĐ có một số đặc điểm chính sau:

- TSCĐ tham gia nhiều vào chu kỳ sản xuất kinh doanh
- Giá trị sử dụng và giá trị của tài sản cố định bị giảm dần khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh do sự hao mòn và giá trị hao mòn được chuyển dịch từng phần vào giá trị sản phẩm sản xuất ra. Bộ phận giá trị chuyển dịch này cấu thành một yếu tố chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được bồi đắp mỗi khi sản phẩm được tiêu thụ.
- Đối với TSCĐ, hình thái vật chất lúc ban đầu giữ nguyên với lúc hư hỏng.

1.1.2.2 Tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ:

Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 quy định: Tư liệu lao động là những TSCĐ hữu hình có kết cấu độc lập, hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định mà nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào thì cả hệ thống không thể hoạt động được, nếu đồng thời thỏa mãn cả ba tiêu chuẩn sau thì được coi là TSCĐ:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó
- Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên
- Nguyên giá của tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trở lên.

Trường hợp một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và nếu thiếu một bộ phận nào đó mà cả hệ thống vẫn thực hiện được chức năng hoạt động chính của nó nhưng do yêu cầu quản lý, sử dụng TSCĐ đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản thì mỗi bộ phận tài sản đó nếu cùng thỏa mãn đồng thời ba tiêu chuẩn của TSCĐ được coi là một TSCĐ hữu hình độc lập.

Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 tại điều 03 khoản 2 quy định: TSCĐ thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn quy định tại điều 03 khoản 1 ở trên, mà không hình thành TSCĐ hữu hình thì được coi là TSCĐ vô hình.

1.1.3 Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp

1.1.3.1 Yêu cầu quản lý TSCĐ

Trong sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với trình độ khoa học luôn luôn đổi mới không ngừng việc tạo ra các sản phẩm có chất lượng tốt và giá cả hợp lý thì vấn đề đổi mới cơ sở vật chất kỹ thuật cho quá trình sản xuất là rất cần thiết. Muốn vậy việc quản lý TSCĐ phải đáp ứng được những yêu cầu sau:

- Mọi TSCĐ trong doanh nghiệp phải có bộ hồ sơ riêng. TSCĐ phải được phân loại, thống kê, đánh số và có thẻ riêng, được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng ghi TSCĐ và được phản ánh trong sổ theo dõi TSCĐ.
- Giữ nguyên hình thái vật chất và đặc tính sử dụng ban đầu của TSCĐ.
- Quản lý chặt chẽ tình hình hao mòn, việc trích và phân bổ khấu hao một cách khoa học và hợp lý để thu hồi vốn đầu tư phục vụ cho việc tái đầu tư TSCĐ, xác định giá trị còn lại của TSCĐ một cách chính xác giúp doanh nghiệp kịp thời đổi mới trang thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh.
- Thường xuyên theo dõi và quản lý TSCĐ để phát hiện sai hỏng kịp thời tiến hành sửa chữa, nâng cấp TSCĐ phục vụ kịp thời cho quá trình sản xuất kinh doanh đảm bảo cung cấp đầy đủ sản phẩm về chất lượng cũng như số lượng.

1.1.3.2 Nhiệm vụ của kế toán TSCĐ

Kế toán TSCĐ phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

- Ghi chép, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các loại TSCĐ của toàn doanh nghiệp trên các mặt: số lượng, chất lượng, giá trị, cơ cấu... đồng thời kiểm soát chặt chẽ việc bảo quản, bảo dưỡng, nâng cấp và sử dụng TSCĐ ở các bộ phận khác nhau nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng TSCĐ.
- Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp phục vụ cho việc thu nhận, hệ thống hóa, tổng hợp và cung cấp thông tin về tình hình hiện có và sự biến động của TSCĐ trong doanh nghiệp.
- Tính toán chính xác kịp thời số khấu hao TSCĐ đồng thời phân bổ đúng chi phí khấu hao vào chi phí sản xuất kinh doanh.
- Theo dõi, ghi chép, kiểm tra chặt chẽ quá trình thanh lý, nhượng bán TSCĐ nhằm đảm bảo việc quản lý sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả.
- Phản ánh, kiểm tra chặt chẽ TSCĐ, cũng như các khoản chi phí sửa chữa TSCĐ, tham gia lập và tổ chức thực hiện dự án đầu tư XDCB, dự toán sửa chữa lớn TSCĐ.
- Lập các báo cáo về TSCĐ, tham gia phân tích tình hình trang bị, sử dụng và bảo quản các loại TSCĐ.

1.1.4 Phân loại tài sản cố định

1.4.1.1 Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện

Theo cách phân loại này, TSCĐ trong doanh nghiệp được phân thành: TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình.

- **Tài sản cố định hữu hình:** Là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất thỏa mãn các tiêu chuẩn của TSCĐ hữu hình, tham gia nhiều vào chu kỳ kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu.

Thuộc loại tài sản này gồm có:

- + Nhà cửa, vật kiến trúc
- + Máy móc, thiết bị
- + Phương tiện vận tải, truyền dẫn
- + Thiết bị, dụng cụ quản lý
- + Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm
- + Các loại TSCĐ hữu hình khác.

- **Tài sản cố định vô hình:** Là những tài sản không có hình thái vật chất, thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư thỏa mãn các tiêu chuẩn của TSCĐ vô hình, tham gia nhiều vào quá trình sản xuất kinh doanh.

Thuộc loại tài sản này gồm có:

- + Quyền sử dụng đất
- + Quyền phát hành
- + Bản quyền, bằng sáng chế phát minh
- + Nhãn hiệu hàng hóa
- + Phần mềm máy tính
- + Giấy phép và giấy chuyển nhượng
- + TSCĐ vô hình khác.

Với cách phân loại này giúp cho các nhà quản lý có được cái nhìn tổng quát về cơ cấu đầu tư vào TSCĐ của doanh nghiệp. Đây là căn cứ quan trọng để xây dựng hoặc tự điều chỉnh phương hướng đầu tư cho phù hợp với thực tế. Đồng thời các nhà quản lý có thể căn cứ vào tiêu thức phân loại này để đưa ra biện pháp quản lý tài sản, quản lý vốn và tính khấu hao chính xác và hợp lý.

1.1.4.2 Phân loại TSCĐ theo nguồn hình thành

Theo cách phân loại này, TSCĐ được phân thành các loại sau:

- TSCĐ hình thành bằng nguồn vốn chủ sở hữu
- TSCĐ hình thành bằng nguồn vốn vay

Qua cách phân loại này, ta biết được TSCĐ của doanh nghiệp được hình thành từ nguồn vốn nào để từ đó có kế hoạch đầu tư hợp lý trong việc mua sắm.

1.1.4.3 Phân loại theo quyền sở hữu

Theo phương pháp này TSCĐ được chia thành 02 loại, đó là:

- TSCĐ tự có: Là những TSCĐ được mua sắm và đầu tư bằng nguồn vốn tự có (ngân sách cấp, do đi vay của ngân hàng hoặc trích quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp) để phục vụ cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- TSCĐ thuê ngoài: Là những TSCĐ không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, được hình thành do việc doanh nghiệp đi thuê sử dụng trong một thời gian nhất định theo hợp đồng thuê tài sản cố định. TSCĐ thuê ngoài có 02 loại:

+ TSCĐ thuê tài chính: Là những TSCĐ mà doanh nghiệp thuê của công ty thuê tài chính, theo đó bên cho thuê có quyền chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê, quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

+ TSCĐ thuê hoạt động: Là những tài sản thuê không thỏa mãn các quy định về thuê tài chính đều được coi là TSCĐ thuê hoạt động. Doanh nghiệp đi thuê phải có trách nhiệm quản lý, sử dụng TSCĐ theo quy định trong hợp đồng thuê. Chi phí đi thuê được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Doanh nghiệp cho thuê với tư cách là chủ sở hữu phải theo dõi, quản lý tài sản cho thuê.

Với cách phân loại này giúp cho việc tổ chức và hạch toán TSCĐ được chặt chẽ, chính xác và sử dụng TSCĐ có hiệu quả nhất.

1.1.4.4 Phân loại TSCĐ theo tình hình sử dụng và công dụng

Theo cách phân loại này, TSCĐ được phân thành:

- TSCĐ đang dùng
- TSCĐ chưa dùng
- TSCĐ không dùng chờ thanh lý, nhượng bán

Với cách phân loại này, nhằm thấy được mức độ sử dụng hiệu quả các TSCĐ của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ của doanh nghiệp trong tương lai.

1.1.5 Đánh giá tài sản cố định

Đánh giá tài sản cố định là việc xác định giá trị ghi sổ của tài sản cố định. TSCĐ được đánh giá lần đầu và có thể đánh giá lại trong quá trình sử dụng. Do

vậy, việc ghi sổ phải đảm bảo phản ánh được tất cả 3 chỉ tiêu về giá trị của tài sản cố định là: Nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại của TSCĐ.

1.1.5.1 Xác định nguyên giá tài sản cố định

Nguyên giá của TSCĐ là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản đó và đưa TSCĐ đó vào tư thế sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá TSCĐ được xác định theo nguyên tắc giá phí, tức là nguyên giá TSCĐ bao gồm toàn bộ các chi phí liên quan đến việc mua hoặc xây dựng, chế tạo TSCĐ kể cả các chi phí vận chuyển, lắp đặt chạy thử và các chi phí hợp lý cần thiết khác trước khi sử dụng tài sản.

Nguyên giá TSCĐ được xác định cho từng đối tượng ghi TSCĐ là từng đơn vị tài sản có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản liên kết với nhau để thực hiện một số chức năng nhất định.

❖ Xác định nguyên giá TSCĐ hữu hình

- **TSCĐ hữu hình mua sắm:** Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm (kể cả mua mới và cũ): là giá mua thực tế phải cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: lãi tiền vay phát sinh trong quá trình đầu tư mua sắm; chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Trường hợp TSCĐ hữu hình mua trả chậm, trả góp, nguyên giá TSCĐ là giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ (nếu có).

Trường hợp mua TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất phải xác định riêng và ghi nhận là TSCĐ vô hình nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định, còn TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc thì nguyên giá là giá mua thực tế phải cộng (+) các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ hữu hình vào sử dụng.

- TSCĐ hữu hình mua theo hình thức trao đổi:

Nguyên giá TSCĐ mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác là giá trị hợp lý của TSCĐ hữu hình nhận về,

hoặc giá trị hợp lý của TSCĐ đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản phải thu về) cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như: chi phí vận chuyển; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ (nếu có).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự là giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đem trao đổi.

- ***TSCĐ hữu hình tự xây dựng hoặc tự sản xuất:***

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng là giá trị quyết toán công trình khi đưa vào sử dụng. Trường hợp TSCĐ đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì doanh nghiệp hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự sản xuất là giá thành thực tế của TSCĐ hữu hình cộng (+) các chi phí lắp đặt chạy thử, các chi phí khác trực tiếp liên quan tính đến thời điểm đưa TSCĐ hữu hình vào trạng thái sẵn sàng sử dụng (trừ các khoản lãi nội bộ, giá trị sản phẩm thu hồi được trong quá trình chạy thử, sản xuất thử, các chi phí không hợp lý như vật liệu lãng phí, lao động hoặc các khoản chi phí khác vượt quá định mức quy định trong xây dựng hoặc sản xuất).

- ***Nguyên giá TSCĐ hữu hình do đầu tư xây dựng:***

Nguyên giá TSCĐ do đầu tư xây dựng cơ bản hình thành theo phương thức giao thầu là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định tại Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành cộng (+) lệ phí trước bạ, các chi phí liên quan trực tiếp khác. Trường hợp TSCĐ do đầu tư xây dựng đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì doanh nghiệp hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành.

- ***TSCĐ hữu hình được tài trợ, được biếu, được tặng, do phát hiện thừa:***

Nguyên giá TSCĐ hữu hình được tài trợ, được biếu, được tặng, do phát hiện thừa là giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận hoặc tổ chức định giá chuyên nghiệp.

- ***TSCĐ hữu hình được cấp, được điều chuyển đến:***

Nguyên giá TSCĐ hữu hình được cấp, được điều chuyển đến bao gồm giá trị còn lại của TSCĐ trên sổ kế toán ở đơn vị cấp, đơn vị điều chuyển hoặc giá trị theo đánh giá thực tế của tổ chức định giá chuyên nghiệp theo quy định của

pháp luật, cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp mà bên nhận tài sản phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như chi phí thuê tổ chức định giá; chi phí nâng cấp, lắp đặt, chạy thử...

- ***Tài sản cố định hữu hình nhận góp vốn, nhận lại vốn góp:***

TSCĐ nhận góp vốn, nhận lại vốn góp là giá trị do các thành viên, cổ đông sáng lập định giá nhất trí; hoặc doanh nghiệp và người góp vốn thoả thuận; hoặc do tổ chức chuyên nghiệp định giá theo quy định của pháp luật và được các thành viên, cổ đông sáng lập chấp thuận.

❖ **Xác định nguyên giá TSCĐ vô hình**

- ***TSCĐ vô hình mua sắm:***

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua sắm là giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Trường hợp TSCĐ vô hình mua sắm theo hình thức trả chậm, trả góp, nguyên giá là giá mua tài sản theo phương thức trả tiền ngay tại thời điểm mua (không bao gồm lãi trả chậm).

- ***TSCĐ vô hình mua theo hình thức trao đổi:***

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua theo hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình không tương tự hoặc tài sản khác là giá trị hợp lý của TSCĐ vô hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi (sau khi cộng thêm các khoản phải trả thêm hoặc trừ đi các khoản phải thu về) cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng theo dự tính.

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ vô hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự là giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đem trao đổi.

- ***TSCĐ vô hình được cấp, được biếu, được tặng, được điều chuyển đến:***

Nguyên giá TSCĐ vô hình được cấp, được biếu, được tặng là giá trị hợp lý ban đầu cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến việc đưa tài sản vào sử dụng. Nguyên giá TSCĐ được điều chuyển đến là nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp có tài sản điều chuyển. Doanh nghiệp tiếp nhận tài sản điều chuyển có trách nhiệm hạch toán nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại của tài sản theo quy định.

- **TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp:**

Nguyên giá TSCĐ vô hình được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp là các chi phí liên quan trực tiếp đến khâu xây dựng, sản xuất thử nghiệm phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ đó vào sử dụng theo dự tính.

Riêng các chi phí phát sinh trong nội bộ để doanh nghiệp có nhãn hiệu hàng hoá, quyền phát hành, danh sách khách hàng, chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu và các khoản mục tương tự không đáp ứng được tiêu chuẩn và nhận biết TSCĐ vô hình được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

- **TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất:**

* *TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:*

+ Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).

+ Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là năm năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

* *Quyền sử dụng đất không ghi nhận là TSCĐ vô hình gồm:*

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất.

Thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê (thời gian thuê đất sau ngày có hiệu lực thi hành của Luật đất đai năm 2003, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thì tiền thuê đất được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm thuê đất.

Thuê đất trả tiền thuê hàng năm thì tiền thuê đất được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ tương ứng số tiền thuê đất trả hàng năm.

* *Đối với các loại tài sản là nhà, đất đai để bán, để kinh doanh của công ty kinh doanh bất động sản thì doanh nghiệp không được hạch toán là TSCĐ và không được trích khấu hao.*

- **Nguyên giá của TSCĐ vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ:**

Là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra để có được quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

- **Nguyên giá TSCĐ là các chương trình phần mềm:**

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

❖ **Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính**

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính phản ánh ở đơn vị thuê là giá trị của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản cộng (+) với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nguyên giá TSCĐ của doanh nghiệp chỉ được thay đổi trong các trường hợp sau:

- Đánh giá lại giá trị TSCĐ trong các trường hợp:
 - Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - Thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp: chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, cổ phần hoá, bán, khoán, cho thuê, chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần, chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn.
 - Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.
- Đầu tư nâng cấp TSCĐ.
- Tháo dỡ một hay một số bộ phận của TSCĐ mà các bộ phận này được quản lý theo tiêu chuẩn của 1 TSCĐ hữu hình.

Khi thay đổi nguyên giá TSCĐ, doanh nghiệp phải lập biên bản ghi rõ các căn cứ thay đổi và xác định lại nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán, sổ khấu hao lũy kế, thời gian sử dụng của TSCĐ và tiến hành hạch toán theo quy định.

1.1.5.2 Xác định giá trị hao mòn của TSCĐ

Trong quá trình sử dụng, TSCĐ bị hao mòn dần về giá trị và giá trị sử dụng. Giá trị hao mòn này được dịch chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp dưới hình thức khấu hao nhằm mục đích thu hồi lại vốn đầu tư trong một thời gian nhất định để tái sản xuất. TSCĐ bị hao mòn dưới hai hình thức:

- Hao mòn hữu hình: Là sự giảm sút về giá trị và giá trị sử dụng của TSCĐ do TSCĐ tham gia vào sản xuất kinh doanh và do các nguyên nhân tự nhiên.

- Hao mòn vô hình: Là sự giảm sút thuần túy về giá trị của TSCĐ do nguyên nhân tiến bộ khoa học kỹ thuật gây ra.

Việc xác định khấu hao TSCĐ là việc tính toán và phân bổ một cách có hệ thống nguyên giá của TSCĐ vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong thời gian sử dụng TSCĐ.

1.1.5.3 Xác định giá trị còn lại của TSCĐ

Trong quá trình sử dụng TSCĐ, giá trị của nó bị hao mòn dần và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, do đó giá trị của TSCĐ sẽ bị giảm dần. Vì vậy, yêu cầu quản lý và sử dụng đặt ra là cần xác định giá trị còn lại của TSCĐ để từ đó đánh giá được năng lực sản xuất của TSCĐ trong doanh nghiệp.

$$\text{Giá trị còn lại của TSCĐ} = \text{Nguyên giá của TSCĐ} - \text{Số hao mòn lũy kế của TSCĐ}$$

Vì số đã hao mòn là phần giá trị của TSCĐ đã được tính toán, phân bổ vào chi phí kinh doanh để thu hồi chi phí đầu tư trong quá trình sử dụng hay nói cách khác chính là số đã khấu hao của TSCĐ, nên giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ ngày càng tăng lên và giá trị còn lại của TSCĐ được phản ánh trên sổ kế toán và trên báo cáo tài chính ngày càng giảm đi. Kế toán theo dõi, ghi chép giá trị còn lại nhằm cung cấp số liệu cho doanh nghiệp xác định phần vốn đầu tư còn lại ở TSCĐ cần phải được thu hồi. Đồng thời thông qua chỉ tiêu giá trị còn lại của TSCĐ, có thể đánh giá hiện trạng TSCĐ của đơn vị cũ hay mới để có cơ sở đề ra các quyết định về đầu tư bổ sung, sửa chữa, đổi mới TSCĐ,...

- ❖ Trường hợp nguyên giá TSCĐ được đánh giá lại thì giá trị còn lại của TSCĐ được điều chỉnh theo công thức:

$$\text{Giá trị còn lại của TSCĐ sau khi đánh giá lại} = \frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ trước khi đánh giá lại}}{\text{Giá trị đánh giá lại của TSCĐ}} \times \text{Nguyên giá của TSCĐ}$$

Đánh giá TSCĐ theo giá trị còn lại giúp doanh nghiệp xác định được số vốn chưa thu hồi của TSCĐ, biết được hiện trạng của TSCĐ là cũ hay mới để có phương hướng đầu tư và có biện pháp để bảo toàn được vốn cố định.

1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp

Để quản lý tốt tài sản cố định kế toán phải theo dõi chặt chẽ cả kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết. Thông qua kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết cung cấp được những chỉ tiêu liên quan đến cơ cấu, số lượng, tình trạng và chất lượng của TSCĐ.

1.2.1 Tổ chức kế toán chi tiết TSCĐ trong doanh nghiệp

1.2.1.1 Xác định đối tượng ghi TSCĐ

Tài sản cố định của doanh nghiệp là các tài sản có giá trị lớn cần phải được quản lý đơn chiếc. Để phục vụ công tác kế toán phải ghi sổ theo từng đối tượng ghi TSCĐ.

- Đối tượng ghi TSCĐ hữu hình là từng vật kết cấu hoàn chỉnh bao gồm cả vật gở lắp và phụ tùng kèm theo. Đối tượng ghi TSCĐ có thể là một vật thể riêng biệt về mặt kết cấu có thể thực hiện được những chức năng độc lập nhất định hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản liên kết với nhau không thể tách rời để cùng thực hiện một số chức năng nhất định.

- Đối tượng ghi TSCĐ vô hình là từng TSCĐ vô hình gắn với một nội dung chi phí và một mục đích riêng mà doanh nghiệp có thể xác định một cách riêng biệt, có thể kiểm soát và thu được lợi ích kinh tế từ việc nắm giữ tài sản.

Để tiện cho việc theo dõi, quản lý, phải tiến hành đánh số cho từng đối tượng ghi TSCĐ. Mỗi đối tượng ghi TSCĐ phải có số hiệu riêng. Việc đánh số TSCĐ là do các doanh nghiệp tự quy định tùy theo điều kiện cụ thể của doanh nghiệp đó nhưng phải đảm bảo tính thuận tiện trong việc nhận biết TSCĐ theo nhóm, theo loại tuyệt đối không trùng lặp.

1.2.1.2 Nội dung kế toán chi tiết TSCĐ

1.2.1.2.1 Kế toán chi tiết tăng TSCĐ

Khi có TSCĐ mới đưa vào sử dụng, doanh nghiệp phải lập Hội đồng giao nhận gồm có đại diện bên giao, bên nhận và một số ủy viên để lập “Biên bản giao nhận TSCĐ” cho từng đối tượng TSCĐ. Đối với những TSCĐ cùng loại, giao nhận cùng một lúc, do cùng một đơn vị chuyển giao thì có thể lập chung một biên bản.

Sau đó phòng kế toán phải sao lục cho mỗi đối tượng ghi TSCĐ một bản để lưu vào hồ sơ riêng cho từng TSCĐ. Mỗi bộ hồ sơ TSCĐ bao gồm: biên bản giao nhận TSCĐ, hợp đồng, hóa đơn mua TSCĐ, các bản sao tài liệu kỹ thuật và các chứng từ khác có liên quan.

Căn cứ vào hồ sơ TSCĐ, kế toán mở thẻ TSCĐ để theo dõi chi tiết từng TSCĐ của doanh nghiệp. Thẻ TSCĐ do kế toán TSCĐ lập, kế toán trưởng ký xác nhận, và được lưu ở phòng kế toán trong suốt quá trình sử dụng TSCĐ. Khi lập xong thẻ TSCĐ được dùng để ghi vào “Sổ TSCĐ”, sổ này được lập chung cho toàn doanh nghiệp một quyển và từng đơn vị sử dụng mỗi nơi một quyển.

▪ **Chứng từ kế toán sử dụng ghi tăng TSCĐ**

- Biên bản giao nhận TSCĐ: Được lập riêng cho từng đối tượng TSCĐ, là chứng từ xác nhận TSCĐ được đưa vào sử dụng hoặc điều cho đơn vị khác.

- Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành: Là biên bản xác nhận việc giao nhận TSCĐ sau khi hoàn thành việc sửa chữa lớn giữa bên có TSCĐ sửa chữa với bên thực hiện việc sửa chữa và là căn cứ ghi sổ kế toán và thanh toán chi phí sửa chữa TSCĐ.

- Biên bản đánh giá lại TSCĐ: Là chứng từ kế toán nhằm xác nhận các chỉ tiêu giá trị của TSCĐ theo quy định của Nhà nước, là căn cứ để ghi sổ kế toán khoản chênh lệch (tăng) do đánh giá lại.

- Ngoài các chứng từ trên, doanh nghiệp còn sử dụng các chứng từ khác như: hóa đơn mua hàng, hóa đơn cước phí vận chuyển, lệ phí trước bạ,... để minh chứng cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đồng thời dựa trên các hồ sơ khác bao gồm:

- + Hồ sơ kỹ thuật
- + Hồ sơ kinh tế

1.2.1.2.2 Kế toán chi tiết giảm TSCĐ

TSCĐ của doanh nghiệp có thể giảm do nhiều nguyên nhân khác nhau như điều chuyển cho đơn vị khác, đem đi góp vốn liên doanh, nhượng bán, thanh lý,... tùy theo từng trường hợp giảm TSCĐ mà doanh nghiệp phải lập chứng từ như: biên bản giao nhận TSCĐ, biên bản thanh lý TSCĐ,... Trên cơ sở các chứng từ này kế toán ghi giảm TSCĐ trên các Sổ tài sản cố định.

Trường hợp di chuyển TSCĐ giữa các bộ phận trong doanh nghiệp thì kế toán ghi giảm TSCĐ trên Sổ tài sản cố định của bộ phận giao và ghi tăng trên Sổ tài sản cố định của bộ phận nhận.

▪ **Chứng từ kế toán sử dụng trong ghi giảm TSCĐ**

- Biên bản thanh lý TSCĐ: Là chứng từ xác nhận việc thanh lý TSCĐ, làm căn cứ để kế toán ghi giảm TSCĐ và các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động thanh lý. Biên bản thanh lý phải do ban thanh lý TSCĐ lập và có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của ban thanh lý, kế toán trưởng và thủ trưởng đơn vị.

- Biên bản đánh giá lại TSCĐ: Là chứng từ kế toán nhằm xác nhận các chỉ tiêu giá trị của TSCĐ theo quy định của Nhà nước, là căn cứ để ghi sổ kế toán khoản chênh lệch (giảm) do đánh giá lại.

❖ **Sổ sách kế toán áp dụng trong kế toán chi tiết TSCĐ**

- Thẻ TSCĐ: Thẻ TSCĐ do phòng kế toán lập khi TSCĐ bắt đầu xuất hiện tại doanh nghiệp. Thẻ được lập cho từng loại tài sản và được lưu ở phòng kế toán. Căn cứ lập thẻ TSCĐ dựa vào: biên bản giao nhận TSCĐ....

Để theo dõi chi tiết TSCĐ kế toán sử dụng 2 loại sổ chi tiết sau:

- **Sổ TSCĐ:** sổ được mở để theo dõi tình hình tăng, giảm, hao mòn theo từng loại tài sản doanh nghiệp, mỗi tài sản được ghi riêng một sổ hoặc một số trang của sổ. Căn cứ để ghi sổ là các chứng từ tăng, giảm và khấu hao TSCĐ.

- **Sổ chi tiết TSCĐ (theo đơn vị sử dụng):** mỗi một đơn vị hoặc một bộ phận sử dụng phải mở một sổ để theo dõi TSCĐ. Căn cứ để ghi sổ là các chứng từ tăng, giảm TSCĐ.

Ngoài ra, doanh nghiệp có thể mở các sổ chi tiết khác theo yêu cầu quản lý.

1.2.2 Tổ chức kế toán tổng hợp TSCĐ tại doanh nghiệp

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

Những chứng từ mà doanh nghiệp sử dụng trong hạch toán TSCĐ gồm:

- Biên bản giao nhận TSCĐ.
- Biên bản nghiệm thu TSCĐ.
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ.
- Biên bản thanh lý TSCĐ.
- Các hợp đồng, hóa đơn mua – bán, các chứng từ , tài liệu kỹ thuật có liên quan khác....
- Các hồ sơ đầu tư TSCĐ (nếu qua đầu tư).

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 211 – TSCĐ hữu hình:**

Tài khoản này dùng để phản ánh nguyên giá TSCĐ hữu hình thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp hiện có.

Kết cấu tài khoản 211:

- + **Bên Nợ:** Phản ánh nghiệp vụ làm tăng TSCĐ hữu hình theo nguyên giá
- + **Bên Có:** Phản ánh nghiệp vụ làm giảm TSCĐ hữu hình theo nguyên giá
- + **Dư Nợ:** Phản ánh nguyên giá TSCĐ hữu hình hiện có tại doanh nghiệp.

- **Tài khoản 212 – TSCĐ thuê tài chính:**

Tài khoản này dùng để theo dõi tình hình thuê tài sản cố định dài hạn.

Kết cấu tài khoản 212:

- + **Bên Nợ:** Phản ánh nguyên giá TSCĐ thuê tài chính tăng lên
- + **Bên Có:** Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính giảm do hoàn trả hoặc mua lại
- + **Dư Nợ:** Phản ánh nguyên giá TSCĐ thuê tài chính hiện có.
- **Tài khoản 213 – TSCĐ vô hình:**

Tài khoản này dùng để phản ánh nguyên giá TSCĐ vô hình thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp hiện có.

Kết cấu tài khoản 213:

- + **Bên Nợ:** Phản ánh nghiệp vụ làm tăng TSCĐ vô hình theo nguyên giá
- + **Bên Có:** Phản ánh nghiệp vụ làm giảm TSCĐ vô hình theo nguyên giá
- + **Dư Nợ:** Phản ánh nguyên giá TSCĐ vô hình hiện có tại doanh nghiệp.

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác có liên quan như TK 111, 112, 331,...

- **Tài khoản 214 – Hao mòn TSCĐ:**

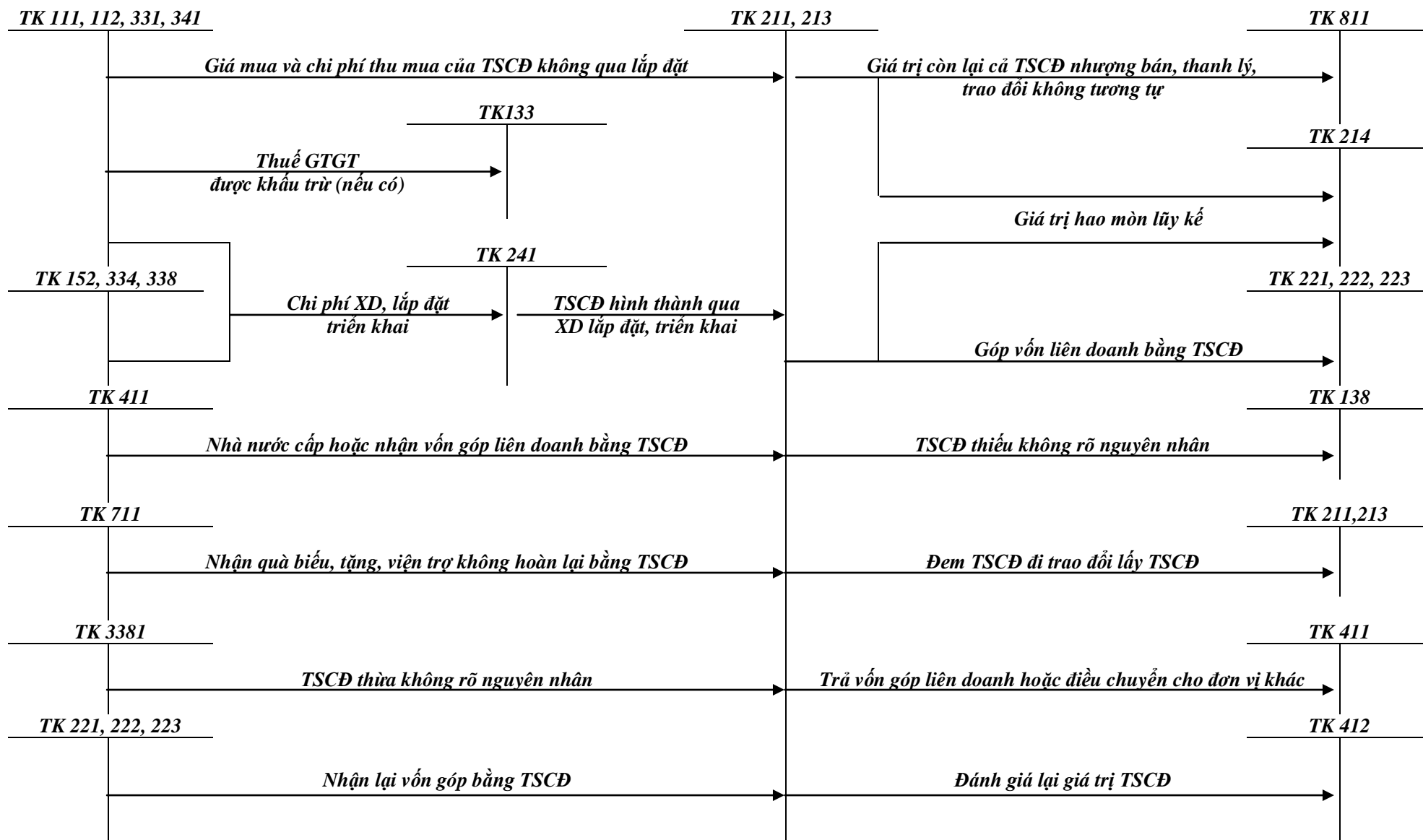
Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình tăng, giảm giá trị hao mòn và giá trị hao mòn lũy kế của các loại TSCĐ, BĐS đầu tư trong quá trình sử dụng.

Kết cấu tài khoản 214:

- + **Bên Nợ:** Giá trị hao mòn TSCĐ, BĐS đầu tư giảm do TSCĐ, BĐS đầu tư thanh lý, nhượng bán, điều động cho các đơn vị khác...
- + **Bên Có:** Giá trị hao mòn TSCĐ, BĐS đầu tư tăng do trích khấu hao tài sản cố định.
- + **Dư Có:** Giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ, BĐS đầu tư hiện có trong doanh nghiệp.

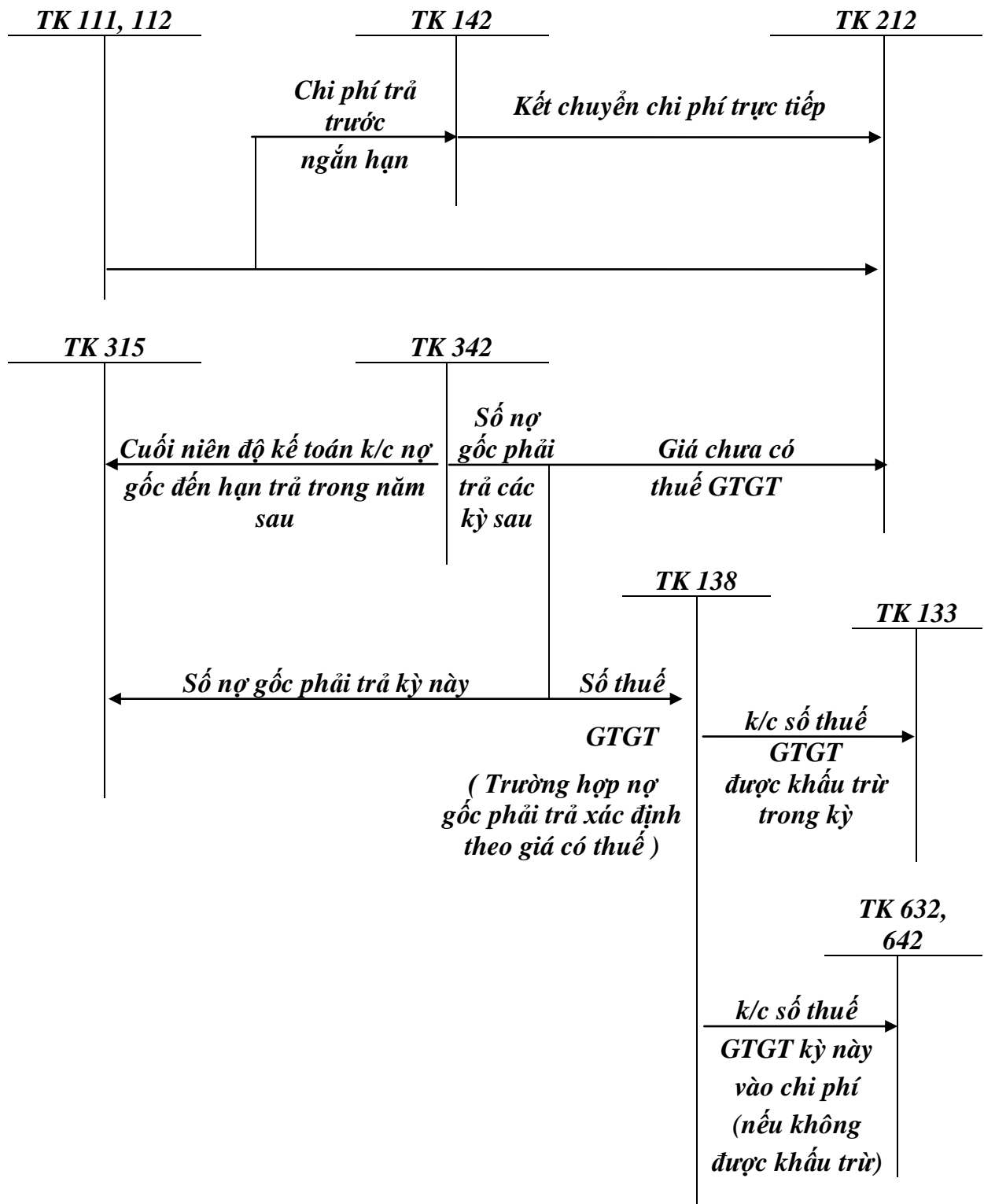
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán

- ❖ Phương pháp hạch toán tăng, giảm TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình được thể hiện qua sơ đồ 1.1 như sau:



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán kế toán tăng, giảm TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

- ❖ Phương pháp hạch toán kế toán TSCĐ thuê tài chính tại đơn vị đi thuê tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.2 như sau:



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán TSCĐ thuê tài chính tại đơn vị đi thuê tài chính

1.2.3 Kế toán khấu hao TSCĐ

1.2.3.1 Xác định thời gian trích khấu hao của TSCĐ

❖ Đối với TSCĐ hữu hình

- Đối với TSCĐ hữu hình còn mới (chưa qua sử dụng), doanh nghiệp phải căn cứ vào khung thời gian trích khấu hao tài sản cố định quy định tại *Phụ lục 1 Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013* để xác định thời gian trích khấu hao của TSCĐ.

- Đối với tài sản cố định hữu hình đã qua sử dụng, thời gian trích khấu hao của tài sản cố định được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Thời gian} \\ \text{trích khấu} \\ \text{hao của} \\ \text{TSCĐ} \end{array} = \frac{\text{Giá trị hợp lý của TSCĐ}}{\text{Giá bán của TSCĐ cùng loại} \\ \text{mới 100\% (hoặc của TSCĐ} \\ \text{tương đương trên thị trường)}} \times \begin{array}{l} \text{Thời gian trích khấu hao} \\ \text{của TSCĐ mới cùng loại} \\ \text{xác định theo Phụ lục 1} \\ \text{(ban hành kèm theo Thông} \\ \text{tư 45/2013/TT-BTC)} \end{array}$$

Trong đó:

Giá trị hợp lý của TSCĐ là giá mua hoặc trao đổi thực tế (trong trường hợp mua bán, trao đổi), giá trị còn lại của TSCĐ hoặc giá trị theo đánh giá của tổ chức có chức năng thẩm định giá (trong trường hợp được cho, được biếu, được tặng, được cấp, được điều chuyển đến) và các trường hợp khác.

❖ Đối với TSCĐ vô hình

- Doanh nghiệp tự xác định thời gian trích khấu hao của tài sản cố định vô hình nhưng tối đa không quá 20 năm.

- Đối với TSCĐ vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất thuê, thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất đó.

- Đối với tài sản cố định vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ, quyền đối với giống cây trồng, thì thời gian trích khấu hao là thời hạn bảo hộ được ghi trên văn bằng bảo hộ theo quy định (không được tính thời hạn bảo hộ được gia hạn thêm).

1.2.3.2 Các phương pháp trích khấu hao TSCĐ

a. Phương pháp khấu hao đường thẳng

Là phương pháp trích khấu hao theo mức tính ổn định từng năm vào chi phí sản xuất kinh doanh của TSCĐ tham gia vào hoạt động kinh doanh.

➤ Nội dung của phương pháp

- Xác định mức trích khấu hao trung bình hàng năm cho tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Thời gian trích khấu hao}}$$

- Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.
- Trường hợp thời gian trích khấu hao hay nguyên giá của TSCĐ thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao trung bình của TSCĐ bằng cách lấy giá trị còn lại trên sổ kế toán chia (:) cho thời gian trích khấu hao xác định lại hoặc thời gian trích khấu hao còn lại (được xác định là chênh lệch giữa thời gian trích khấu hao đã đăng ký trừ thời gian đã trích khấu hao) của TSCĐ.
- Xác định mức trích khấu hao đối với những tài sản cố định đưa vào sử dụng trước ngày 01/01/2013:
 - Căn cứ các số liệu trên sổ kế toán, hồ sơ của tài sản cố định để xác định giá trị còn lại trên sổ kế toán của tài sản cố định.
 - Xác định thời gian trích khấu hao còn lại của TSCĐ theo công thức sau:

$$T = T_2 \left(1 - \frac{t_1}{T_1} \right)$$

- Trong đó:
- T : Thời gian trích khấu hao còn lại của tài sản cố định
 - T₁ : Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định xác định theo quy định tại *Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính.*
 - T₂ : Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định xác định theo quy định tại *Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.*
 - t₁ : Thời gian thực tế đã trích khấu hao của tài sản cố định
- Xác định mức trích khấu hao hàng năm (cho những năm còn lại của tài sản cố định) như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ}}{\text{Thời gian trích khấu hao còn lại của TSCĐ}}$$

- Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

b. Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh

TSCĐ tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh phải thoả mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Là tài sản cố định đầu tư mới (chưa qua sử dụng);
- Là các loại máy móc, thiết bị; dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm.
- Nội dung của phương pháp:
 - Xác định thời gian khấu hao của TSCĐ: Doanh nghiệp xác định thời gian khấu hao của TSCĐ theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC.
 - Xác định mức trích khấu hao năm của tài sản cố định trong các năm đầu theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ}}{\text{TSCĐ}} \times \text{Tỷ lệ khấu hao nhanh}$$

Trong đó:

- + Tỷ lệ khấu hao nhanh xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh (\%)} = \frac{\text{Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng}}{\text{TSCĐ}} \times \text{Hệ số điều chỉnh}$$

- + Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng (\%)} = \frac{1}{\text{Thời gian trích khấu hao của TSCĐ}} \times 100$$

Hệ số điều chỉnh xác định theo thời gian trích khấu hao của tài sản cố định quy định tại bảng dưới đây:

Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định	Hệ số điều chỉnh (lần)
Đến 4 năm (t ≤ 4 năm)	1,5
Trên 4 đến 6 năm (4 năm < t ≤ 6 năm)	2,0
Trên 6 năm (t > 6 năm)	2,5

Những năm cuối, khi mức khấu hao năm xác định theo phương pháp số dư giảm dần nói trên bằng (hoặc thấp hơn) mức khấu hao tính bình quân giữa giá trị còn lại và số năm sử dụng còn lại của TSCĐ, thì kể từ năm đó mức khấu hao được tính bằng giá trị còn lại của TSCĐ chia cho số năm sử dụng còn lại của TSCĐ.

- Mức trích khấu hao hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

c. Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm:

TSCĐ tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp này là các loại máy móc, thiết bị thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Trực tiếp liên quan đến việc sản xuất sản phẩm;
- Xác định được tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của tài sản cố định;
- Công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính không thấp hơn 100% công suất thiết kế.
- Nội dung của phương pháp:
 - Xác định mức trích khấu hao trong tháng của tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trong tháng của tài sản cố định} = \text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong tháng} \times \text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm}$$

Trong đó:

$$\text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}}$$

- Mức trích khấu hao năm của tài sản cố định bằng tổng mức trích khấu hao của 12 tháng trong năm, hoặc tính theo công thức sau:

$$\text{Mức trích khấu hao năm của TSCĐ} = \text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong năm} \times \text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm}$$

- Trường hợp công suất thiết kế hoặc nguyên giá của TSCĐ thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao của TSCĐ.

1.2.3.3 Chứng từ sử dụng

Chứng từ để làm cơ sở hạch toán khấu hao TSCĐ là “Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ”. Bảng này được lập vào cuối tháng

1.2.3.4 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 214 – Hao mòn TSCĐ:

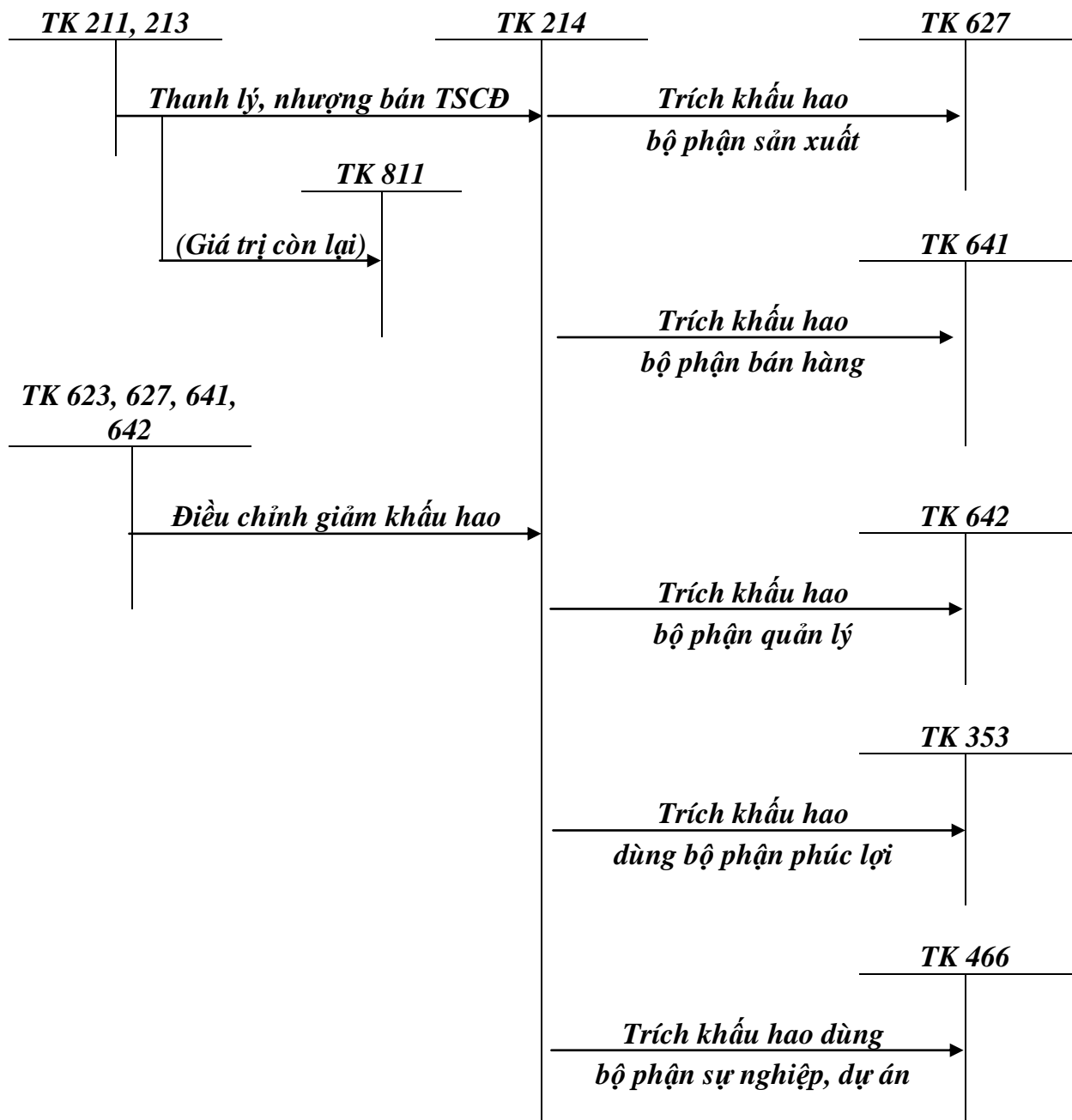
Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình tăng, giảm giá trị hao mòn và giá trị hao mòn lũy kế của các loại TSCĐ, BĐS đầu tư trong quá trình sử dụng.

Kết cấu tài khoản 214:

- + **Bên Nợ:** Giá trị hao mòn TSCĐ, BĐS đầu tư giảm do TSCĐ, BĐS đầu tư thanh lý, nhượng bán, điều động cho các đơn vị khác...
- + **Bên Có:** Giá trị hao mòn TSCĐ, BĐS đầu tư tăng do trích khấu hao tài sản cố định.
- + **Dư Có:** Giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ, BĐS đầu tư hiện có trong DN.

1.2.3.5 Phương pháp hạch toán:

- ❖ Phương pháp hạch toán kế toán khấu hao tài sản cố định được thể hiện qua sơ đồ 1.3 như sau:



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán khấu hao TSCĐ

1.2.4 Kế toán sửa chữa TSCĐ

Sửa chữa TSCĐ là việc bảo dưỡng, sửa chữa TSCĐ bị hỏng trong quá trình hoạt động kinh doanh nhằm khôi phục lại năng lực hoạt động bình thường của TSCĐ đó. Cách thức tiến hành sửa chữa TSCĐ có thể là do doanh nghiệp tự làm hoặc do doanh nghiệp thuê ngoài. Những chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để sửa chữa TSCĐ gọi là chi phí sửa chữa TSCĐ.

1.2.4.1 Kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ

Sửa chữa thường xuyên TSCĐ (sửa chữa nhỏ) là hình thức sửa chữa mang tính bảo dưỡng thường xuyên, có thời gian sửa chữa ngắn, chi phí sửa chữa nhỏ. Khi phát sinh chi phí này, kế toán phản ánh ngay vào chi phí của từng bộ phận sử dụng tài sản đó:

Nợ TK 627, 641, 642...

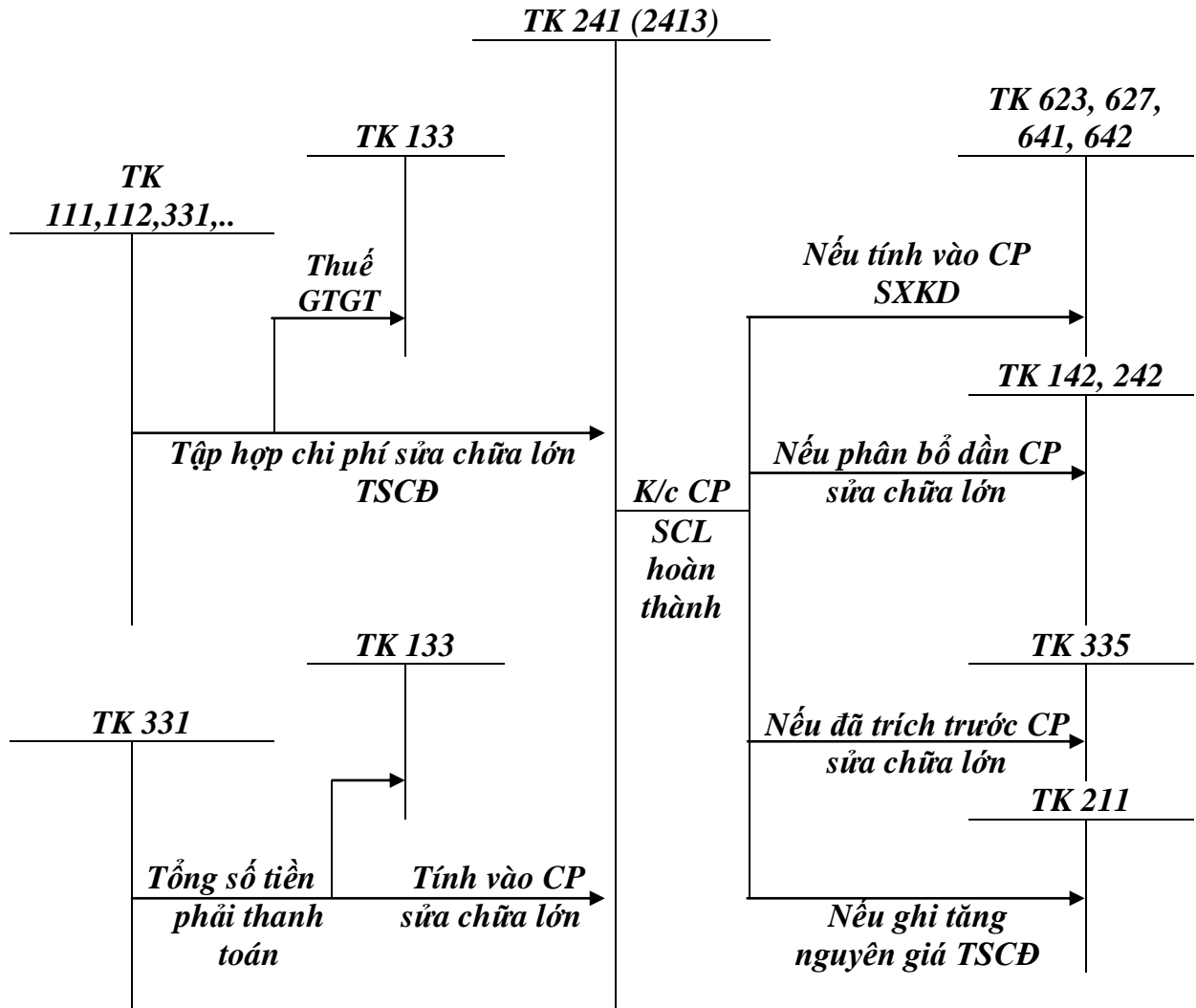
Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào (nếu thuê ngoài)

Có TK 111, 112, 152, 331,...

1.2.4.2 Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ

Là việc cải tạo, thay thế các bộ phận trong TSCĐ, công việc có thể do doanh nghiệp tự thực hiện hoặc phải thuê ngoài, thời gian sửa chữa kéo dài và TSCĐ phải ngưng hoạt động, chi phí phát sinh thường lớn nên không thể tính hết vào chi phí của đối tượng sử dụng mà phải phân bổ hợp lý vào chi phí SXKD.

- Phương pháp hạch toán kế toán sửa chữa lớn TSCĐ được thể hiện qua sơ đồ 1.4 như sau:



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán kế toán sửa chữa lớn TSCĐ

1.3 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp

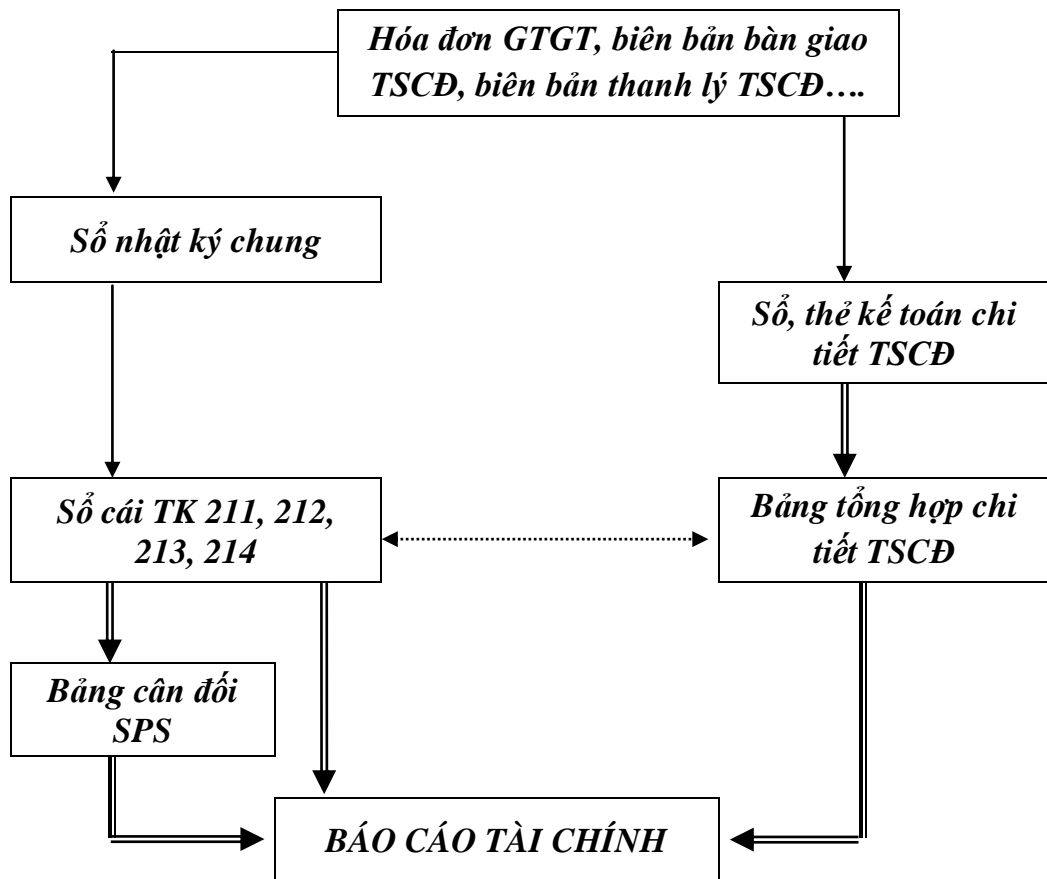
1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- ✓ Sổ Nhật ký chung
- ✓ Sổ cái các tài khoản TK 211, 212, 213, 214,...
- ✓ Các sổ, thẻ kế toán chi tiết TK 211, 212, 213, 214,...

❖ Trình tự ghi sổ kế toán



Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

- Ghi chú: \longrightarrow : Ghi hàng ngày
 \Longrightarrow : Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
 \longleftrightarrow : Đối chiếu kiểm tra

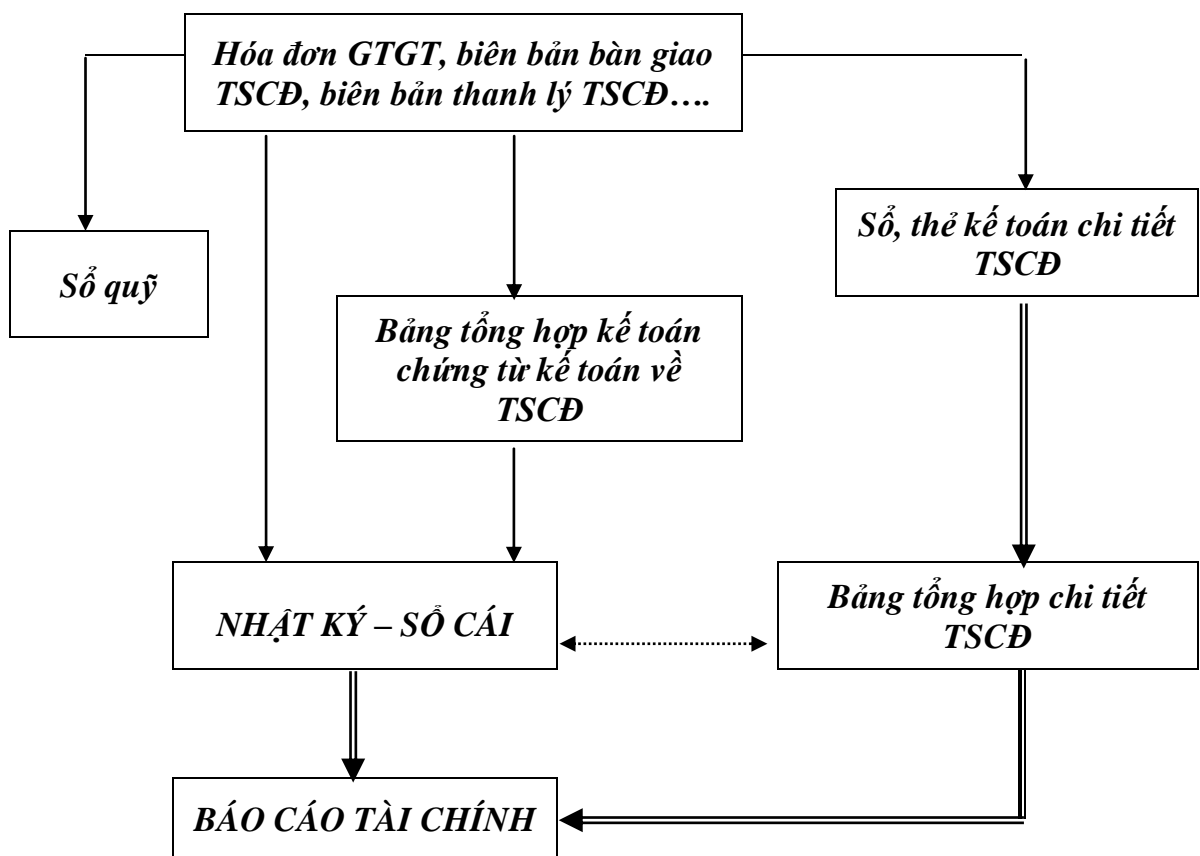
1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- ✓ Nhật ký – sổ cái
- ✓ Các sổ, thẻ kế toán chi tiết TK 211, 212, 213, 214....

❖ Trình tự ghi sổ kế toán



Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

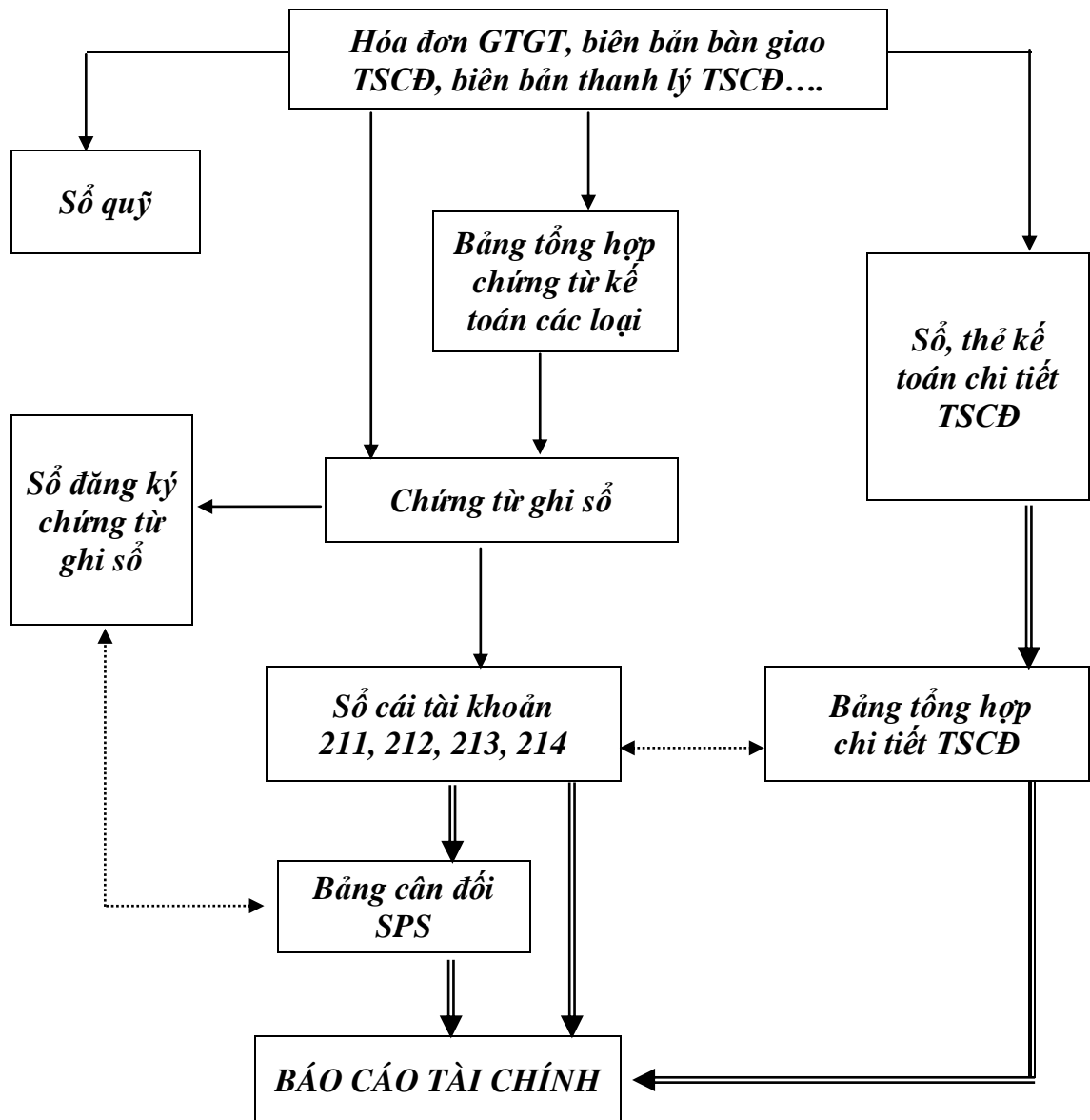
- Ghi chú:
- : Ghi hàng ngày
 - ==> : Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ
 - ←-.-> : Đối chiếu kiểm tra

1.3.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Sổ kế toán tổng hợp theo dõi về TSCĐ và trích khấu hao gồm:

- ✓ Chứng từ ghi sổ lập riêng cho từng nghiệp vụ tăng, giảm, khấu hao tài sản cố định.
- ✓ Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- ✓ Sổ cái mở cho các tài khoản 211, 212, 213, 214
- ✓ Các sổ, thẻ TSCĐ.

❖ Trình tự ghi sổ kế toán



Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Ghi chú: —————> : Ghi hàng ngày

=====> : Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ

<-.-.-.-.-> : Đối chiếu kiểm tra

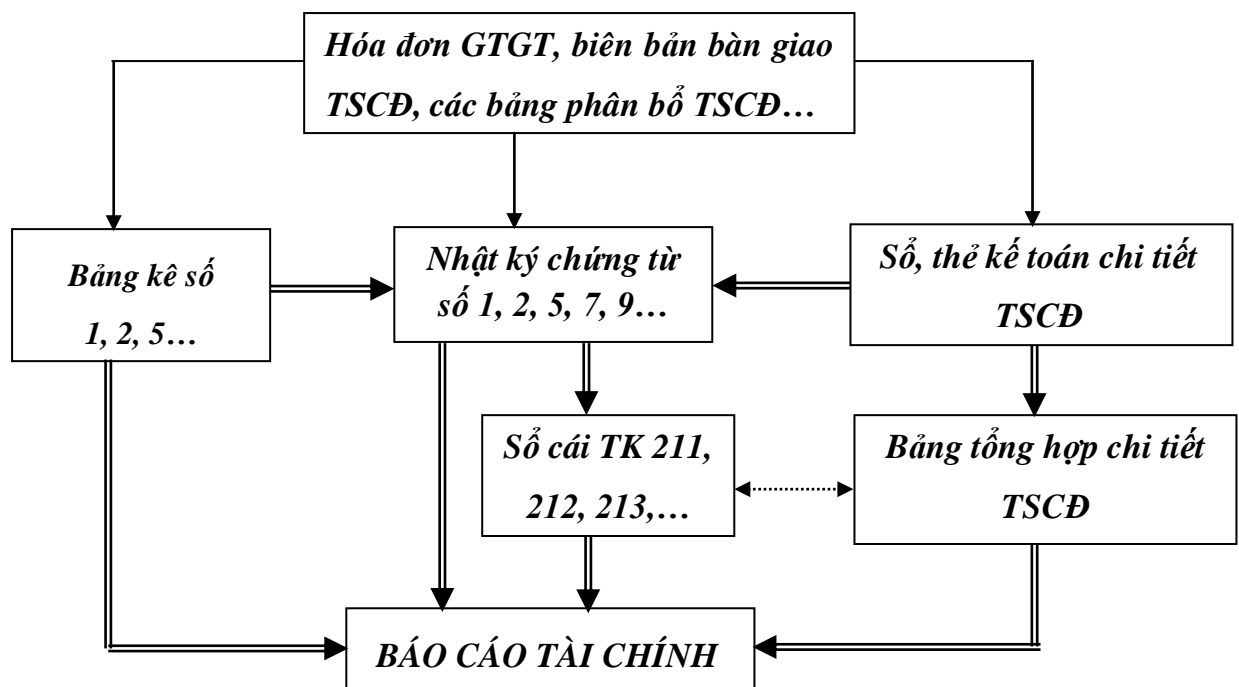
1.3.4 Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ. Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản). Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép. Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- ✓ Nhật ký chứng từ số 7, số 9, số 10 ...
- ✓ Bảng kê số 1, số 2, số 5 ...
- ✓ Sổ cái TK 211, 212, 213, 214 ...
- ✓ Sổ hoặc thẻ TSCĐ

❖ Trình tự ghi sổ kế toán



Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ

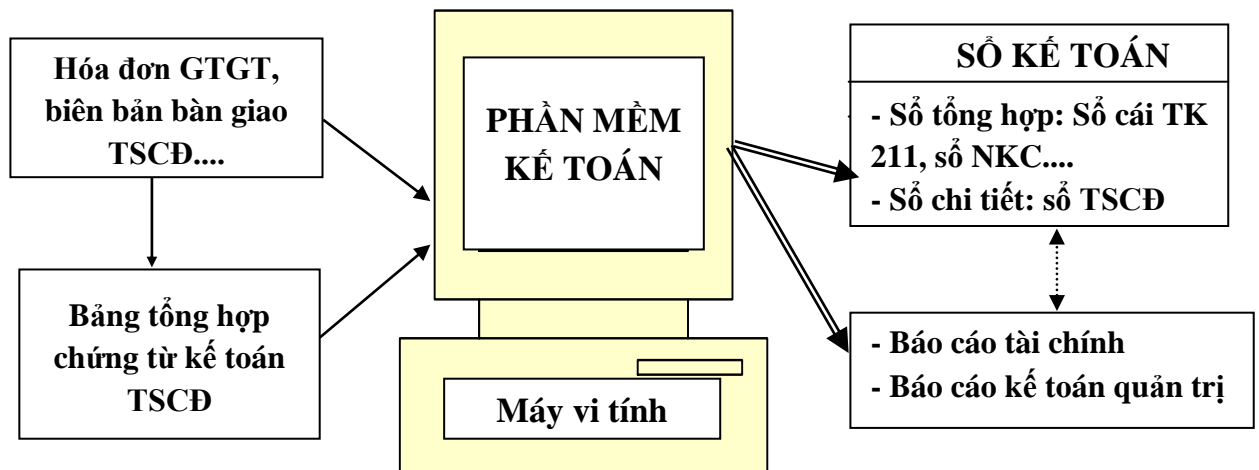
- Ghi chú: —————> : Ghi hàng ngày
 =====> : Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ
 <-.....> : Đối chiếu kiểm tra

1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính, phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính : phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

❖ Trình tự ghi sổ kế toán



Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Kế toán trên máy vi tính

- Ghi chú: \longrightarrow : Nhập số liệu hàng ngày
 \Longrightarrow : In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
 \longleftrightarrow : Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THAN NAM MẪU – VINACOMIN

2.3 Khái quát chung về Công ty TNHH MTV Than Nam Mẫu – Vinacomin

2.5.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty

- Tên đầy đủ: Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu – Vinacomin.
- Tên viết tắt: Công ty Than Nam Mẫu – Vinacomin
- Tên giao dịch quốc tế: Nam Mau coal company limited
- Trụ sở: Số 1A- Trần Phú- phường Quang Trung- thành phố Uông Bí- tỉnh Quảng Ninh.
- Số điện thoại: 033 3854293
- Số fax: 033 3854360
- Mã số thuế: 5700591477
- Email: Ctythannammau@vnn.vn
- Địa điểm khai thác tài nguyên: xã Thượng Yên Công – thành phố Uông Bí – tỉnh Quảng Ninh

Công ty TNHH MTV than Nam Mẫu là đơn vị trực thuộc Công ty Than Uông Bí, là một thành viên của Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam, được thành lập ngày 1/4/1999 theo quyết định số 502/QĐ- TCCB- ĐT ngày 23/3/1999, trên cơ sở sát nhập giữa 2 mỏ than: Than Thùng và Yên Tử. Đến ngày 1/7/2008, Công ty Than Nam Mẫu trở thành Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam theo quyết định số 1372/QĐ-H ĐQT ra ngày 11/6/2008. Quá trình hình thành và phát triển đến nay của Công ty trải qua các giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: Từ 1959 – 1968: Công ty Than Nam Mẫu được Đoàn địa chất 2Đ thuộc liên đoàn địa chất 9 tiến hành thăm dò tỉ mỉ phần trữ lượng lò bằng khu vực Than Thùng Yên Tử.

+ Giai đoạn 2: Từ 1982 – 1998: Công ty Than Nam Mẫu được Công ty Than Uông Bí cho phép khai thác từng phần bằng phương pháp lộ thiên và một phần của khai thác hầm lò đi lò chợ chống gỗ.

+ Giai đoạn 3: Từ năm 1999 đến nay: Công ty Than Nam Mẫu chuyển sang khai thác bằng phương pháp hầm lò với công nghệ khoa học tiên tiến hơn, với nhiệm vụ khai thác và tiêu thụ than.

Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu – Vinacomin là một doanh nghiệp hạch toán độc lập trong Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam. Công ty có quyền chủ động trong các hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tài chính với tư cách là một pháp nhân kinh tế độc lập và phụ thuộc Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam.

2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu – Vinacomin là một doanh nghiệp khai khoáng, sản phẩm chính là than, trong đó bao gồm các loại than cục, than cám và than bùn:

- Than cục cỡ hạt từ 15mm ÷ 250mm, được tiêu thụ trong nước dùng cho các ngành sản xuất như: đúc, luyện kim, cơ khí, sản xuất phân bón. Ngoài ra còn dùng để xuất khẩu cho các thị trường nước ngoài: Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc và một số nước Nam Phi.

- Than cám cỡ hạt từ 0mm ÷ 15mm, cám 4, 5, 6 tiêu thụ cho nhà máy nhiệt điện Uông Bí, Phả Lại, Ninh Bình, các nhà máy xi măng và xuất khẩu sang các nước Pháp, Đức, Ấn Độ.

- Than bùn tiêu thụ phục vụ cho công tác dân sinh, sản xuất vật liệu xây dựng: gốm, sứ...

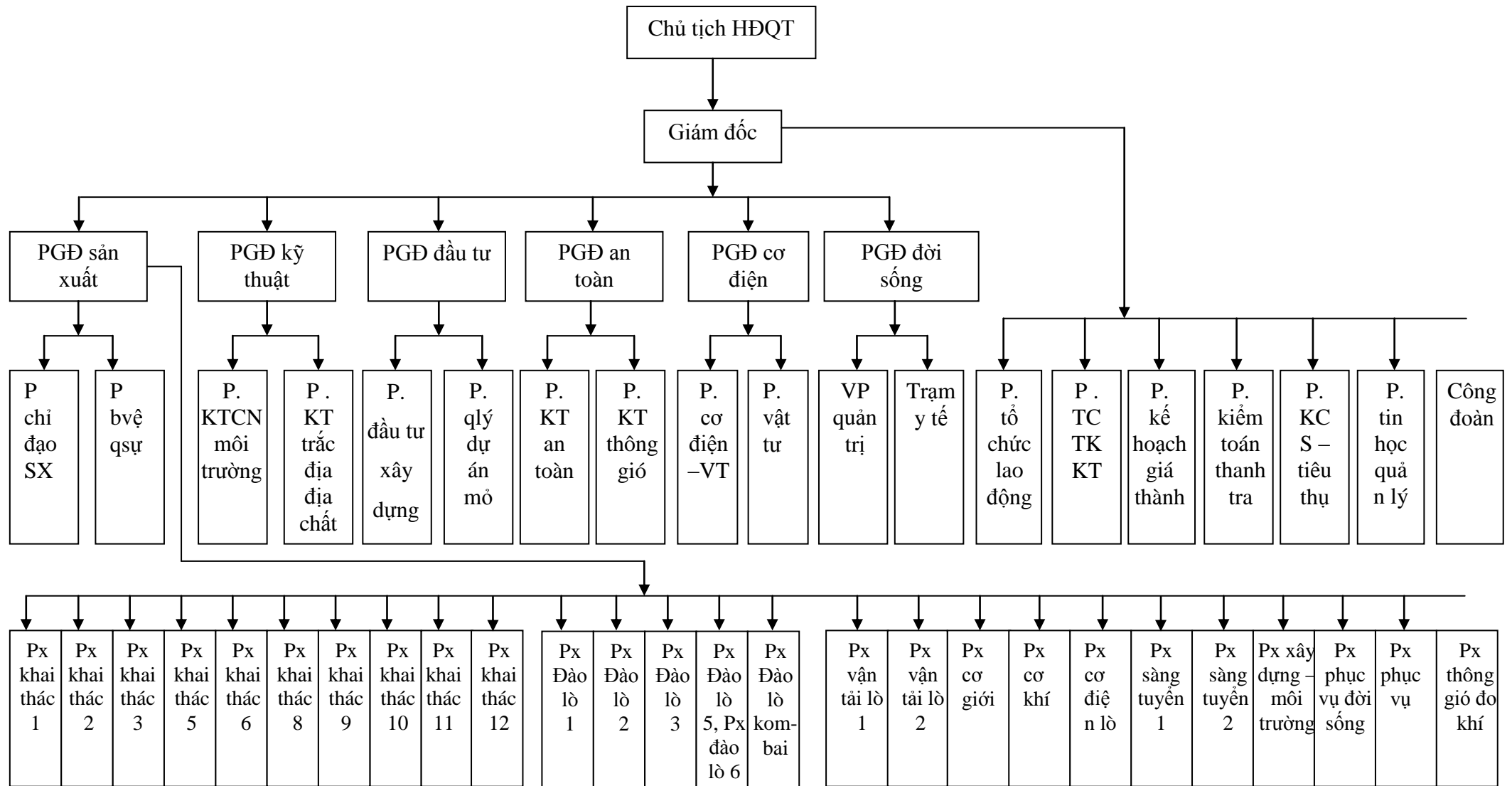
Các loại than tiêu thụ nội địa và xuất khẩu đều được sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) và tiêu chuẩn ngành (TCN).

Ngoài sản xuất, chế biến và tiêu thụ than, Công ty Than Nam Mẫu còn kinh doanh các dịch vụ:

- Thăm dò, khảo sát địa chất và địa chất công trình.
- Sản xuất, sửa chữa cơ khí, thiết bị mỏ, phương tiện vận tải.
- Vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy.
- Sản xuất vật liệu xây dựng.
- Sản xuất, kinh doanh nước uống tinh khiết, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống.

2.1.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Để thích ứng với nền kinh tế hiện nay, ban lãnh đạo công ty than Nam Mẫu đã sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, nâng cao và tận dụng hết khả năng năng lực trong sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cao nhất. Bộ máy tổ chức và quản lý của công ty hiện nay được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng điều đó thể hiện qua sơ đồ 2.1 như sau:



Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức quản lý của Công ty Than Nam Mẫu

Đứng đầu công ty là Giám đốc, là đại diện có tư cách pháp nhân của công ty, chịu trách nhiệm toàn bộ về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước. Giám đốc điều hành bộ máy quản lý của công ty theo chế độ thủ trưởng và tập trung quyền hạn.

Giúp việc cho Giám đốc là các phó Giám đốc phụ trách các lĩnh vực về sản xuất kinh doanh, tham mưu cho giám đốc trong công tác quản lý và ra quyết định, nhận ủy quyền điều hành công việc sản xuất khi Giám đốc vắng mặt.

- *Phó giám đốc sản xuất:* trực tiếp chỉ đạo và điều hành sản xuất.
- *Phó giám đốc kỹ thuật:* chịu trách nhiệm trong công tác kỹ thuật mỏ.
- *Phó giám đốc đầu tư:* chịu trách nhiệm trong công tác đầu tư xây dựng các công trình XDCCB.

- *Phó giám đốc đời sống:* chịu trách nhiệm về công tác đời sống, an ninh trật tự của toàn mỏ.

- *Phó giám đốc an toàn:* chịu trách nhiệm về công tác an toàn của công ty
- *Phó giám đốc cơ điện:* phụ trách về cơ điện máy móc thiết bị.

Giúp việc về mặt tài chính có Kế toán trưởng là người đứng đầu trong bộ máy Kế toán của công ty, chịu trách nhiệm theo điều lệ kế toán trưởng.

Các phòng chuyên môn có chức năng tham mưu cho Giám đốc trong công tác của công ty theo sự phân công cụ thể, trực tiếp chịu sự chỉ đạo của Giám đốc, Phó giám đốc theo các chức năng cụ thể. Ngoài ra các phòng chức năng còn có nhiệm vụ tham mưu hướng dẫn các đơn vị trực tiếp sản xuất trên các lĩnh vực được phân công. Thu thập các thông tin từ các đơn vị sản xuất, báo cáo Giám đốc để có những điều chỉnh phù hợp.

- *Phòng kế hoạch, giá thành:* tham mưu giúp giám đốc lập kế hoạch sản xuất sản phẩm và giá thành cho tháng, quý, năm và kế hoạch tác nghiệp cung ứng đầu vào, đầu ra.

- *Phòng chỉ đạo sản xuất:* tham mưu giúp giám đốc điều hành trực tiếp các phân xưởng đào lò, khai thác, vận tải, sàng tuyển, chế biến than đảm bảo cho sản xuất được nhịp nhàng, đúng tiến độ.

- *Phòng quản trị:* quản lý thiết bị văn phòng, hệ thống điện phục vụ.

- *Phòng kỹ thuật an toàn:* giúp giám đốc hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện các quy trình, quy phạm về công tác an toàn trong công ty.

- *Phòng kỹ thuật trắc địa, địa chất:* tham mưu giúp giám đốc về việc thiết kế các đường lò xây dựng cơ bản, lò chợ, lập hộ chiếu khai thác, lập biện pháp thi công, giám sát thi công và nghiệm thu.

- *Phòng cơ điện, vận tải:* có nhiệm vụ thiết kế, quản lý kỹ thuật điện hầm lò, điện mặt bằng, các loại thiết bị động lực. Đồng thời thiết kế, chỉ đạo, giám sát sửa chữa MMTB, phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy.
- *Phòng vật tư:* thực hiện cung ứng nguyên vật liệu, quản lý các thiết bị, xăng dầu... lập kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu cho sản xuất.
- *Phòng tổ chức lao động:* quản lý nhân lực, có nhiệm vụ tuyển dụng, bố trí sử dụng lao động hợp lý. Tổ chức đào tạo, thăng tiến kỹ luật, định mức lao động tiền lương, nghiệm thu sản phẩm và thanh toán lương cho CBCNV.
- *Phòng tài chính, thống kê, kế toán:* tập hợp xử lý số liệu thống kê phản ánh kết quả quá trình SXKD theo từng thời kỳ. Giúp giám đốc quản lý tài chính, tổ chức công tác hạch toán kế toán, hạch toán thống kê theo quy định hiện hành.
- *Phòng bảo vệ, quân sự:* tổ chức lực lượng bảo vệ tuần tra, canh gác trên các vị trí sản xuất của công ty. Tổ chức thanh tra kiểm tra các vụ việc xảy ra trong nội bộ công ty. Tổ chức huấn luyện dân quân tự vệ sẵn sàng chiến đấu và đáp ứng về con người cho mặt trận.
- *Phòng thi đua, tuyên truyền:* phục vụ công tác văn phòng, điều hành xe máy, tổ chức các hội nghị, tiếp khách đến công ty làm việc, tổng kết các phong trào thi đua trong toàn công ty.
- *Phòng KCS tiêu thụ:* chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý chất lượng sản phẩm sản xuất ra.
- *Trung tâm y tế:* chăm lo sức khỏe cho cán bộ công nhân viên, phát hiện xử lý kịp thời các loại bệnh nghề nghiệp.

Hầu hết hiện nay các Doanh nghiệp mở đều quản lý theo hình thức này. Tuy phức tạp nhưng nó giúp cho cán bộ công nhân viên trong công ty phát huy được khả năng, sở trường của bản thân, đảm bảo cho sự chỉ đạo trực tuyến kịp thời quyết định của Giám đốc xuống các đơn vị trong công ty.

2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty

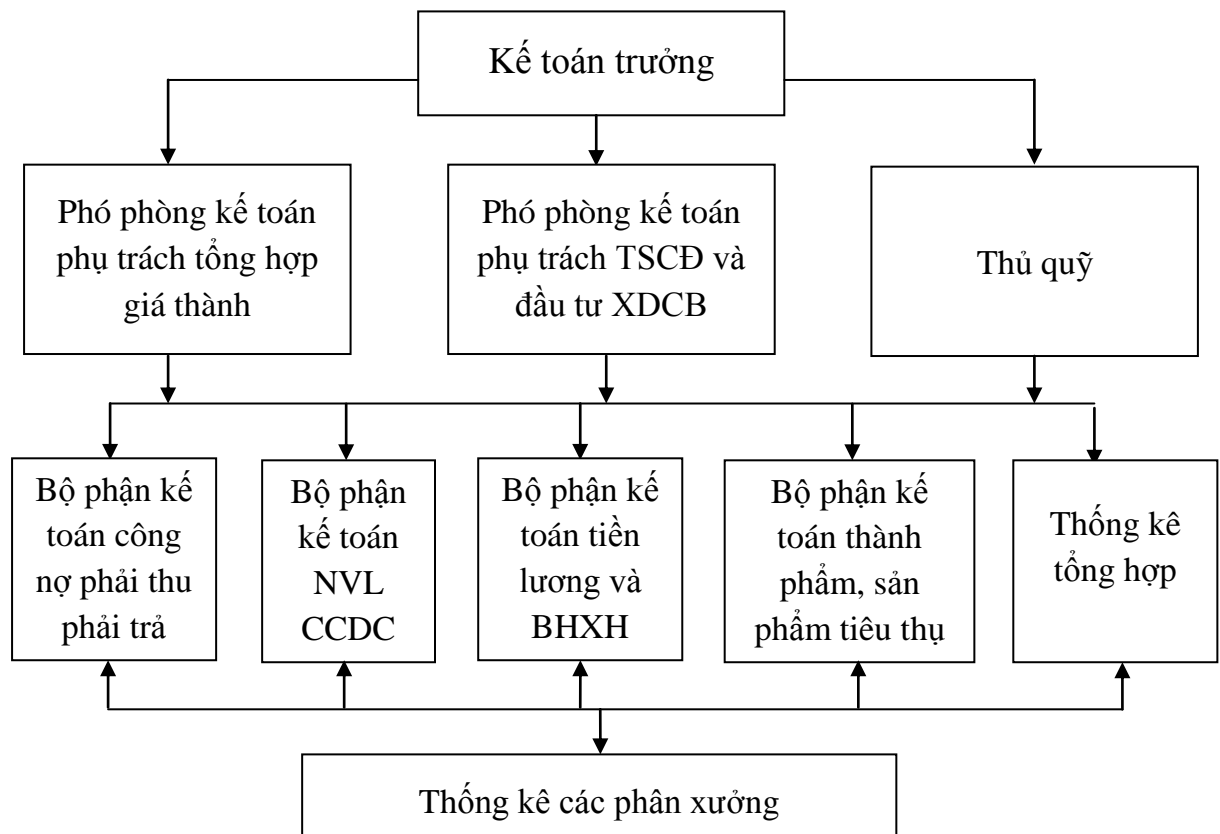
2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán

Công ty TNHH MTV Than Nam Mẫu là một doanh nghiệp có quy mô lớn. Căn cứ vào đặc điểm sản xuất tổ chức quản lý, công ty đã tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình vừa tập trung vừa phân tán. Phòng Tài chính – Thống kê – Kế toán (TC – TK – KT) đặt dưới sự chỉ đạo của Giám đốc với chức năng tổ chức ghi chép, tính toán chính xác, phản ánh, đánh giá trung thực, kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Tính toán và trích nộp đầy đủ, kịp thời các khoản phải nộp ngân sách nhà nước, các

quỹ của công ty và thanh toán đúng hạn các khoản tiền vay, công nợ, phải thu, phải trả. Có trách nhiệm tham mưu giúp việc giám đốc, phát hiện kịp thời những ưu, nhược điểm để kịp thời sửa chữa trong toàn công ty và phòng TC – TK – KT phải chịu trách nhiệm trước giám đốc về việc quản lý thu chi tài chính theo quy chế của công ty, của Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam và của pháp luật quy định.

Tổng số cán bộ nhân viên của phòng TC – TK – KT bao gồm 20 người.

Trong đó: trình độ đại học: 17 người; thạc sĩ: 1 người; trung cấp: 2 người, phòng đã thường xuyên nâng cao bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghề nghiệp cho nhân viên trong phòng, đặc biệt là trình độ sử dụng máy vi tính. Đến nay 100% cán bộ nhân viên đều đã sử dụng thành thạo vi tính để phục vụ thiết yếu cho công việc của mình và nâng cao chất lượng làm việc.



Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán của công ty

- *Kế toán trưởng*: Chịu trách nhiệm chung trước giám đốc, trước doanh nghiệp về công tác kế toán và tài chính của toàn doanh nghiệp.

- *Phó phòng kế toán*: Trực tiếp phụ trách công tác thống kê với kế toán trưởng chỉ đạo các hoạt động của phòng tài chính kế toán. Đồng thời kiêm cả kế toán TSCĐ và kế toán đầu tư XDCB.

- *Hai kế toán vật liệu - CCDC*: Nhiệm vụ là ghi chép phản ánh các số liệu tình hình Nhập - Xuất - Tồn và mở sổ theo dõi vật liệu, CCDC.

- *Một kế toán tổng hợp giá thành*: Ghi chép phản ánh tổng hợp các số liệu về tình hình sản xuất tiêu thụ, tồn kho và các loại sản phẩm, các nguồn vốn quỹ của các mỏ, các khoản cấp phát hàng tháng, báo cáo giá thành các loại sản phẩm.

- *Hai kế toán tiền lương*: Ghi chép phản ánh tổng hợp các số liệu về quỹ lương, tính và thanh toán tiền lương đồng thời tính bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí Công đoàn, sau đó phân bổ cho các đối tượng sử dụng.

- *Bộ phận tài chính gồm 4 người*: Ghi chép phản ánh chính xác đầy đủ, kịp thời số liệu về quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng hiện có, phản ánh tình hình biến động tăng giảm, tình hình công nợ hàng tháng, giám sát chặt chẽ việc chấp hành các chế độ thu chi.

+ Kế toán công nợ.

+ Kế toán tiền mặt.

+ Kế toán tiền gửi ngân hàng.

+ Thủ quỹ: Là bộ phận độc lập của Phòng kế toán, chỉ chịu sự quản lý của kế toán trưởng và chỉ có quan hệ với kế toán tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

- *Một kế toán thành phẩm tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh*: Phản ánh chính xác kịp thời tình hình xuất, nhập, tồn thành phẩm, phản ánh và giám sát chặt chẽ quá trình bán hàng các chi phí thu nhập bán hàng và xác định chính xác kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Mỏ.

2.1.4.2 Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty

Công tác kế toán tại công ty được thực hiện tuân thủ theo đúng chế độ kế toán, các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của Tập đoàn.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Việt Nam Đồng (VNĐ)

Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Công ty áp dụng hệ thống kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Hình thức ghi sổ kế toán là Nhật ký chứng từ.

❖ Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác: hạch toán ngoại tệ theo đúng tỷ giá giao dịch thực hiện, đối với số dư cuối kỳ đánh giá theo tỷ giá ngoại tệ giao dịch liên ngân hàng tại thời điểm 31/12.

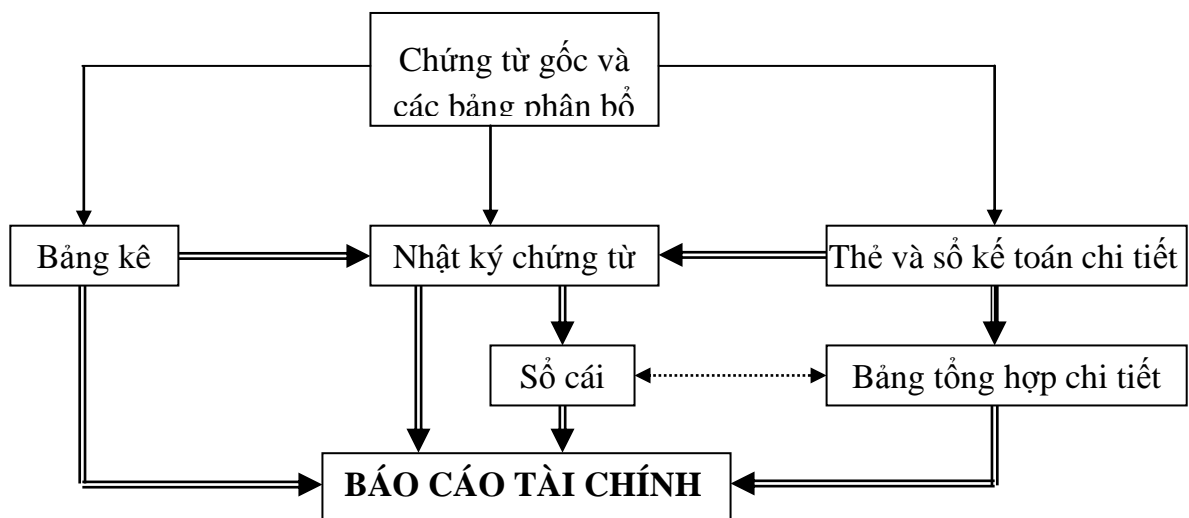
- ❖ Nguyên tắc kế toán tài sản cố định:
 - Nguyên tắc đánh giá TSCĐ: theo nguyên giá và giá trị còn lại.
 - Phương pháp khấu hao TSCĐ: áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng với tỷ lệ khấu hao theo Thông tư 203/2009/TT-BTC và từ ngày 10/06/2013 áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.
- ❖ Phương pháp kế toán hàng tồn kho:
 - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
 - Phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho: Theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.
- ❖ Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.

2.1.4.3 Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán

Căn cứ vào các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán, các chế độ tài chính – kế toán hiện hành và đặc thù của doanh nghiệp. Công ty Than Nam Mầu áp dụng hệ thống chứng từ và tài khoản theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

2.1.4.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại Công ty

Để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty, hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ, nhằm kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế và kết hợp việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán vào trong cùng một quá trình ghi chép. Trình tự ghi sổ kế toán của hình thức Nhật ký chứng từ tại Công ty được khái quát qua sơ đồ 2.3 như sau:



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ

Ghi chú:

————→ : Ghi hàng ngày hoặc ghi định kỳ

====→ : Ghi cuối tháng

←.....→ : Đối chiếu kiểm tra

*** Quy trình hạch toán:**

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc đã được kiểm tra, đối chiếu các số liệu ghi trực tiếp vào nhật ký chứng từ hoặc bảng kê có liên quan.

Đối với các chứng từ phản ánh chi phí phát sinh nhiều lần trong tháng (như vật liệu, tiền lương..) thì được tập hợp phân loại riêng và cuối tháng lập thành bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu này để ghi vào các NKCT và bảng kê có liên quan.

Đối với các chứng từ có liên quan đến sổ và thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ và thẻ có liên quan.

- Cuối tháng kế toán cộng các bảng kê lấy số liệu ghi vào nhật ký chứng từ.

Cộng các NKCT: kiểm tra đối chiếu các số liệu trên NKCT có liên quan, lấy số liệu tổng cộng trên NKCT từ để ghi vào sổ cái. Cộng các sổ và thẻ kế toán chi tiết lấy số liệu lập các bảng tổng hợp chi tiết để đối chiếu với sổ cái.

Cuối cùng lấy số liệu trên sổ cái, trên các nhật ký chứng từ, bảng kê và bảng tổng hợp để lập bảng cân đối kế toán và báo cáo tài chính.

2.1.4.5 Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán tại Công ty

Hệ thống báo cáo tài chính được sử dụng tại công ty gồm:

+ Bảng cân đối kế toán

+ Báo cáo kết quả kinh doanh

+ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

+ Thuyết minh báo cáo tài chính

+ Báo cáo theo quy định của Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam: báo cáo giá thành than, báo cáo doanh thu chi phí kết quả kinh doanh...

2.4 Thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu – Vinacomin

2.2.1 Đặc điểm TSCĐ tại công ty

Để tiến hành sản xuất kinh doanh, Công ty sử dụng nhiều loại TSCĐ như các loại máy móc thiết bị, xe ô tô, nhà cửa, đường vận chuyển, các thiết bị thông tin truyền dẫn...TSCĐ của Công ty có giá trị rất lớn và hiện đại như các loại máy xúc, máy gặt đập từ Mỹ, Nhật, dàn xe tải nhập từ Liên Xô, Hàn Quốc, hợp thành một dây chuyền sản xuất, vận chuyển than hoàn chỉnh và hiện đại.TSCĐ

của Công ty đều được huy động vào hoạt động kinh doanh và được trích khấu hao theo quy định của Nhà nước nhằm thu hồi vốn kinh doanh đã đầu tư.

Về giá trị: Phòng kế toán Công ty quản lý toàn bộ giá trị tài sản của Công ty. Thông qua việc lập sổ sách theo dõi tình hình tăng giảm, tính toán trích khấu hao thu hồi vốn đầu tư cho từng loại tài sản. Các công việc này thể hiện cụ thể trong sổ chi tiết tài sản cố định của Công ty.

Về hiện vật: Phòng kế toán Công ty lập thẻ TSCĐ, sổ TSCĐ để ghi chép, theo dõi các TSCĐ đưa vào sử dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.2.2 Phân loại và đánh giá TSCĐ tại Công ty

2.2.2.1 Phân loại TSCĐ tại công ty

Công ty Than Nam Mẫu là một đơn vị có quy mô khá lớn với nhiều loại tài sản. Do đó, để thuận tiện cho việc quản lý và hạch toán TSCĐ, Công ty đã tiến hành phân loại tài sản cố định theo hình thái biểu hiện kết hợp với đặc trưng kỹ thuật.

Biểu 2-1:

**BÁO CÁO KIỂM KÊ TSCĐ
TẠI CÔNG TY TNHH MTV THAN NAM MẪU - VINACOMIN**

Tính đến ngày 31/12/2013

DVT: đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
A	TSCĐ hữu hình đang dùng	1.147.799.907.196	338.016.443.006	809.783.464.190
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	650.934.175.023	140.411.529.147	510.522.645.876
2	Máy móc thiết bị	385.832.664.537	149.128.607.476	236.704.057.061
3	Phương tiện vận tải, TB truyền dẫn	105.164.687.927	45.297.336.432	59.867.351.495
4	Thiết bị công tác, dụng cụ quản lý	5.300.854.436	2.611.444.678	2.689.409.758
5	TSCĐ khác	567.525.273	567.525.273	
B	TSCĐ xin thanh lý	13.213.987.086	21.215.060.177	3.402.530.004
1	Máy móc thiết bị	10.173.916.871	6.905.596.218	3.268.320.653
2	Phương tiện vận tải, TB truyền dẫn	2.121.129.480	2.121.129.480	0
3	Thiết bị công tác, dụng cụ quản lý	351.415.462	217.206.111	134.209.351
4	TSCĐ khác	567.525.273	567.525.273	0
C	TSCĐ vô hình	963.767.600	373.281.773	590.485.827
	Tổng số	1.148.763.674.796	338.389.724.779	810.373.950.017

Cách phân loại này giúp cho Công ty quản lý chặt chẽ tài sản cố định một cách cụ thể, chi tiết, đồng thời theo dõi được tình hình sử dụng tài sản cố định như thời gian hữu ích của tài sản ... từ đó có biện pháp trích khấu hao phù hợp.

2.2.2.2 Đánh giá TSCĐ tại Công ty

Tại Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mầu – Vinacomin, việc đánh giá tài sản cố định được tuân thủ theo nguyên tắc chung của chế độ kế toán hiện hành và được đánh giá, ghi sổ theo nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định.

❖ Nguyên giá TSCĐ :

- Đối với những tài sản mua sắm mới thì nguyên giá là giá trị ghi trên hoá đơn và các chi phí khác (như chi phí lắp đặt, chạy thử, vận chuyển...).
- Đối với những TSCĐ do xây dựng cơ bản bàn giao, hoàn thành thì nguyên giá được tính bằng giá quyết toán công trình được duyệt trong báo cáo.
- Đối với những tài sản cố định mua cũ Công ty theo dõi phần giá trị còn lại của TSCĐ nên nguyên giá là giá mua trên hoá đơn và các chi phí khác (nếu có).

❖ Giá trị hao mòn của TSCĐ

Giá trị hao mòn của TSCĐ là tổng số khấu hao lũy kế của TSCĐ đã trích được tính đến thời điểm báo cáo.

❖ Giá trị còn lại

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá trị còn lại} & = & \text{Nguyên giá} \\ \text{của TSCĐ} & & \text{TSCĐ} \end{array} \quad - \quad \begin{array}{c} \text{Giá trị hao mòn} \\ \text{của TSCĐ} \end{array}$$

2.2.3 Kế toán chi tiết TSCĐ tại Công ty

2.2.3.1 Chứng từ sử dụng

Những chứng từ mà công ty sử dụng gồm:

- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Các hợp đồng, hóa đơn mua – bán, tài liệu kỹ thuật có liên quan khác...

2.2.3.2 Sổ sách sử dụng

Để theo dõi chi tiết TSCĐ kế toán công ty sử dụng các loại sổ, thẻ sau:

- Thẻ TSCĐ
- Sổ TSCĐ

2.2.3.3 Ví dụ minh họa

+ Ví dụ 1:

Ngày 02/06/2013 Công ty mua mới 01 máy nghiền đá xít của Công ty cổ phần cơ khí Đức Xá với giá mua là 450.000.000 đồng, thuế GTGT là 10%, chưa thanh toán, tài sản này được đầu tư bằng quỹ đầu tư phát triển.

- Căn cứ vào kế hoạch, Phòng đầu tư lập Tờ trình gửi giám đốc duyệt hồ sơ chào hàng gói thầu (Biểu 2-2).
 - Căn cứ vào tờ trình Giám đốc ra Quyết định duyệt mua TSCĐ (Biểu 2-3)
 - Sau khi tìm được đối tác cung cấp các bên sẽ lập hợp đồng kinh tế mua bán TSCĐ (Biểu 2-4).
 - Biên bản giao nhận TSCĐ số 153/BB-KHZ (Biểu 2-5) sẽ được lập sau TSCĐ được hội đồng kiểm tra nghiệm thu.
 - Đồng thời công ty cổ phần cơ khí Đức Xá viết hóa đơn GTGT (Biểu 2-6) giao cho phòng Kế toán để làm thủ tục thanh toán.
- Căn cứ vào bộ chứng từ, kế toán tiến hành ghi vào thẻ TSCĐ (Biểu 2-7) và sổ TSCĐ (Biểu 2-8).

CÔNG TY TNHH MTV THAN NAM MẪU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

PHÒNG ĐẦU TƯ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Uông Bí, ngày 17 tháng 05 năm 2013

TỜ TRÌNH

*V/v phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hàng gói thầu: Cung cấp máy nghiền đá xít
Thuộc dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2013 công ty than Nam Mẫu.*

Kính gửi: Ông giám đốc Công ty TNHH MTV than Nam Mẫu

Căn cứ quyết định số 154/QĐ-ĐT ngày 09/01/2013 của giám đốc công ty than Nam Mẫu V/v đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2013 công ty than Nam Mẫu.

Các phòng ban chức năng công ty lập hồ sơ yêu cầu chào hàng gói thầu: Cung cấp máy nghiền đá xít trình giám đốc công ty phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

Phòng đầu tư công ty đã tổ chức thẩm định hồ sơ yêu cầu chào hàng, kết quả cho thấy hồ sơ yêu cầu chào hàng đã được lập tuân thủ các quy định hiện hành của chính phủ, Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam về công tác đấu thầu và phù hợp với dự án.

Để có đủ thủ tục tiến hành các bước tiếp theo trong quá trình thực hiện gói thầu: Cung cấp máy nghiền đá xít, phòng đầu tư đề nghị giám đốc công ty phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hàng gói thầu với nội dung sau:

1- Nội dung Hồ sơ yêu cầu chào hàng: Như nội dung hồ sơ yêu cầu chào hàng gói thầu Cung cấp máy nghiền đá xít, thuộc dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2013 Công ty than Nam Mẫu.

2- Thời gian và trình tự thực hiện các bước chào hàng:

- Thời gian thông báo và phát hành hồ sơ yêu cầu chào hàng: Chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định.

- Thời điểm hết hạn nộp báo giá: Không ít hơn 05 ngày kể từ ngày phát hành Hồ sơ yêu cầu chào hàng.

- Địa điểm tiếp nhận báo giá: Phòng Đầu tư – Công ty TNHH MTV Than Nam Mẫu, Số 1A - Trần Phú - Phường Quang Trung - Thành phố Uông Bí - Tỉnh Quảng Ninh.

Kính đề nghị ông Giám đốc công ty quan tâm xét duyệt.

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH

P. CKVT

P. ĐẦU TƯ

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

TẬP ĐOÀN CN THAN - KS VIỆT NAM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV THAN NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
MẪU - VINACOMIN
Số 49/QĐ/KTTK Uông Bí, ngày 27 tháng 05 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV
THAN NAM MẪU - VINACOMIN

“V/v Phê duyệt mua TSCĐ”

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV THAN NAM MẪU - VINACOMIN

Căn cứ quyết định số 502/QĐ-TCCB-ĐT ngày 23/03/1999 của Tổng công ty than Việt Nam v/v sát nhập mỏ than Than Thùng và mỏ than Yên Tử thành Công ty TNHH MTV Than Nam Mẫu, là công ty con của công ty than Uông Bí-Vinacomin.

Căn cứ quyết định 1372/QĐ-HĐQT ngày 11/06/2008 của Hội đồng quản trị Tổng công ty than Việt Nam v/v chuyển Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu thành công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam và đổi tên thành Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu - TKV.

Căn cứ quyết định 206/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ

Căn cứ kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay duyệt tăng giá trị tài sản: Máy nghiền đá xít

Với tổng số tiền: 450.000.000 đồng

(Bốn trăm năm mươi triệu đồng chẵn)

Dự án: Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2013

Điều 2. Giao cho các phòng ban, phân xưởng liên quan có trách nhiệm quản lý và sử dụng hiệu quả tài sản trên/.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Đã ký

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Uông Bí, ngày 01 tháng 06 năm 2013

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số 243/HĐ-KHZ

V/v Mua máy nghiền đá xít (thiết bị thuộc dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2013 công ty Công ty TNHH MTV than Nam Mẫu)

Căn cứ Luật dân sự và luật Thương mại đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006.

Căn cứ khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 06 năm 2013, tại Công ty TNHH MTV than Nam Mẫu – Vinacomin, chúng tôi gồm:

Bên mua (A): Công ty TNHH MTV Than Nam Mẫu - Vinacomin

Địa chỉ: Số 1A – Trần Phú – Quang Trung – Uông Bí – Quảng Ninh

Điện thoại: 033.3854.293

Fax: 033.3854.360

Tài khoản: 4411000000068

Tại NH ĐT&PT Uông Bí - Quảng Ninh

Mã số thuế: 5700591477

Do ông: Bùi Quốc Tuấn

Chức vụ: Giám đốc Đại diện ký kết hợp đồng

Bên bán (B): Công ty Cổ Phần cơ khí Đức Xá

Địa chỉ: Đường 10 – Mỹ Sơn – Ngũ Lão – Thủy Nguyên – TP Hải Phòng

Số điện thoại: 031.2248.257

Fax: 031.3875.621

Tài khoản: 21101000051

Tại NH NN&PTNT Thủy Nguyên-Hải Phòng

Mã số thuế: 0200581866

Do ông: Trần Văn Xá

Chức vụ: Giám đốc Đại diện ký kết hợp đồng

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

Điều I: Nội dung công việc giao dịch

Bên B đồng ý bán cho bên A và bên A đồng ý mua của bên B: Máy nghiền đá xít với giá cả, số lượng như sau:

TT	Tên hàng/mã hiệu/ quy cách	Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)
1	Máy nghiền đã xít	VN	Cái	1	450.000.000	450.000.000
2	Thuế GTGT					45.000.000
	Cộng					495.000.000

Tổng giá trị ký hợp đồng: 495.000.000 đồng

(Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng chẵn)

Điều II: Địa điểm và phương thức giao nhận

Sản phẩm máy móc được lắp đặt, giao tại Công ty TNHH MTV than Nam Mẫu – Vinacomin. Đã bao gồm các chi phí sản xuất, vận chuyển thiết bị, chi phí hướng dẫn vận hành, bảo hành thiết bị, thuế GTGT.

Sau khi lắp đặt xong, bên B tiến hành chạy thử, lập biên bản nghiệm thu và đưa vào sử dụng.

Điều III: Trách nhiệm của mỗi bên

Bên A: - Thông báo trước cho bên B: Thời gian giao hàng

- Chuẩn bị hiện trường lắp đặt cho bên A thực hiện.

Bên B: - Vận chuyển và lắp đặt tại Công ty Than Nam Mẫu

- Chuyển giao công nghệ, cử cán bộ hướng dẫn do bên B cử đi vận hành.

- Bảo hành sản phẩm trong 12 tháng.

Điều IV: Thời hạn thanh toán

Thanh toán bằng chuyển khoản 100% trong vòng 20 ngày sau khi sản phẩm lắp đặt được nghiệm thu hoàn thành.

Điều V: Cam kết chung

Hai bên thực hiện đầy đủ các khoản ghi trong hợp đồng đã ký. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc cùng nhau bàn bạc giải quyết bằng văn bản mới thực hiện. Sau đó 30 ngày kể từ ngày hợp đồng hết hiệu lực hai bên không có vướng mắc gì, coi như hợp đồng được thanh lý.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 01/12/2013 và được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký tên, đóng dấu)

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: BC/12B		
Liên 2 : (Giao cho khách hàng)			Số : 0000882		
Ngày 02 tháng 06 năm 2013					
<p>Đơn vị bán hàng : Công ty CP cơ khí Đức Xá Địa chỉ : Mỹ Sơn – Ngũ Lão – Thủy Nguyên – Hải Phòng Số tài khoản : Điện thoại : MST: 0200581866</p>					
<p>Họ tên người mua hàng : Công ty TNHH 1TV than Nam Mẫu – VINACOMIN Địa chỉ : Quang Trung – Uông Bí – Quảng Ninh Số tài khoản: Hình thức thanh toán : Chuyển khoản MST : 5700591477</p>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B		1	2	3=1×2
1	Máy nghiền đá xít	Chiếc	01	450.000.000	450.000.000
Cộng tiền hàng:					450.000.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			45.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					495.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm chín mươi năm triệu đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

Đơn vị : Công ty TNHH MTV than Nam Mẫu – Vinacomin

Địa chỉ : Quang Trung – Uông Bí – Quảng Ninh

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số: 751

Ngày 02 tháng 06 năm 2013

Căn cứ vào Biên bản giao nhận TSCĐ số 153/BB-KHZ ngày 02 tháng 06 năm 2013

Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Máy nghiền đá xít.

Nước sản xuất: Việt Nam

Năm sản xuất: 2013

Bộ phận quản lý sử dụng: Phân xưởng sàng tuyển

Năm sử dụng: 2013

Công suất (diện tích thiết kế): 110 Kw

Đình chỉ sử dụng TSCĐ: ngày..... tháng..... năm.....

Lí do đình chỉ:.....

SHCT	Nguyên giá TSCĐ			Giá trị hao mòn TSCĐ		
	Ngày, tháng, năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
A	B	C	1	2	3	4
153	02/06/2013	Tăng do đầu tư	450.000.000			

DỤNG CỤ, PHỤ TÙNG KÈM THEO

STT	Tên quy cách dụng cụ, phụ tùng	ĐVT	Số lượng	Giá trị
1	Hộp phụ tùng	Cái	01	
2	Búa đập dụn bị	Cái	10	

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số: ngày..... tháng..... năm.....

Lý do giảm:.....

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

TẬP ĐOÀN CN THAN - KS VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV THANNAM MẪU - VINACOMIN

Biểu 2-8:

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm: 2013


Loại tài sản: Máy móc thiết bị

Số TT	Ghi tăng TSCĐ							Khấu hao TSCĐ			Ghi giảm TSCĐ		
	Chứng từ		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Tháng, năm đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Khấu hao đã tính đến khi ghi giảm TSCĐ	Chứng từ		Lý do giảm TSCĐ
	Số hiệu	Ngày, tháng						Tỷ lệ (%) khấu hao	Mức khấu hao		Số hiệu	Ngày, tháng, năm	
A	B	C	D	E	G	H	1	2	3	4	I	K	L
....
157	989	13/05	Máy bơm nước khí nén	Đức	15/05	MB108	400.000.000						
158	213	27/05	Máy hàn EMC 1500	VN	30/05	MH 204	160.200.000						
159	882	02/06	Máy nghiền đá xít	VN	02/06	MN 356	450.000.000						
160	786	12/06	Máy bơm bùn	VN	15/06	MB105	220.000.000						
....
			Cộng	x	x	x	11.347.247.000						

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

 **Ví dụ 2:**

Ngày 30/06/2013, công ty tiến hành thanh lý 01 chiếc xe ô tô hãng DAEWOO đã hết khấu hao. Số thẻ 457, với nguyên giá TSCĐ là 404.940.000đ, đã khấu hao 404.940.000đ. Giá trị còn lại: 0đ. Ban thanh lý của công ty đã họp và quyết định thanh lý TSCĐ trên để trang bị mua xe mới. Ước giá trị thu hồi TSCĐ là 68.527.996đ.

(*) Trình tự được thực hiện như sau:

- Tại Công ty thành lập một Hội đồng giám định thanh lý, nhượng bán TSCĐ, trong đó Giám đốc là chủ tịch hội đồng. Căn cứ vào tình hình thực tế của TSCĐ, hội đồng thanh lý TSCĐ Công ty lập biên bản giám định TSCĐ hết khấu hao đề nghị thanh lý (Biểu 2-9).

- Sau đó căn cứ vào biên bản giám định TSCĐ xác định giá trị thu hồi, giá trị còn lại giám đốc Công ty sẽ ra quyết định thanh lý TSCĐ (Biểu 2-10).

- Căn cứ vào quyết định của giám đốc, ban thanh lý lập Biên bản thanh lý TSCĐ (Biểu 2-11)

Căn cứ vào các chứng từ trên, kế toán tiến hành ghi vào Sổ tài sản cố định (Biểu 2-12).

TẬP ĐOÀN CN THAN - KS VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV THANNAM MẪU - VINACOMIN

Biểu 2-12:

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm: 2013

Loại tài sản: Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn

Số TT	Ghi tăng TSCĐ							Khấu hao TSCĐ			Ghi giảm TSCĐ		
	Chứng từ		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Tháng, năm đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Khấu hao đã tính đến khi ghi giảm TSCĐ	Chứng từ		Lý do giảm TSCĐ
	Số hiệu	Ngày, tháng						Tỷ lệ (%) khấu hao	Mức khấu hao		Số hiệu	Ngày, tháng, năm	
A	B	C	D	E	G	H	1	2	3	4	I	K	L
....
23			Xe ô tô Daewoo 14L6958	VN	29/06/2003	XE0310		10%	40.494.000	404.940.000	375	30/06/2013	Thanh lý
							
			Cộng	x	x	x					x	x	x

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4 Kế toán tổng hợp tăng, giảm TSCĐ tại Công ty

2.2.4.1 Chứng từ sử dụng

Mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan tới tài sản cố định đều được lập chứng từ kế toán. Những chứng từ kế toán công ty đang sử dụng làm căn cứ để hạch toán các nghiệp vụ về tài sản cố định bao gồm:

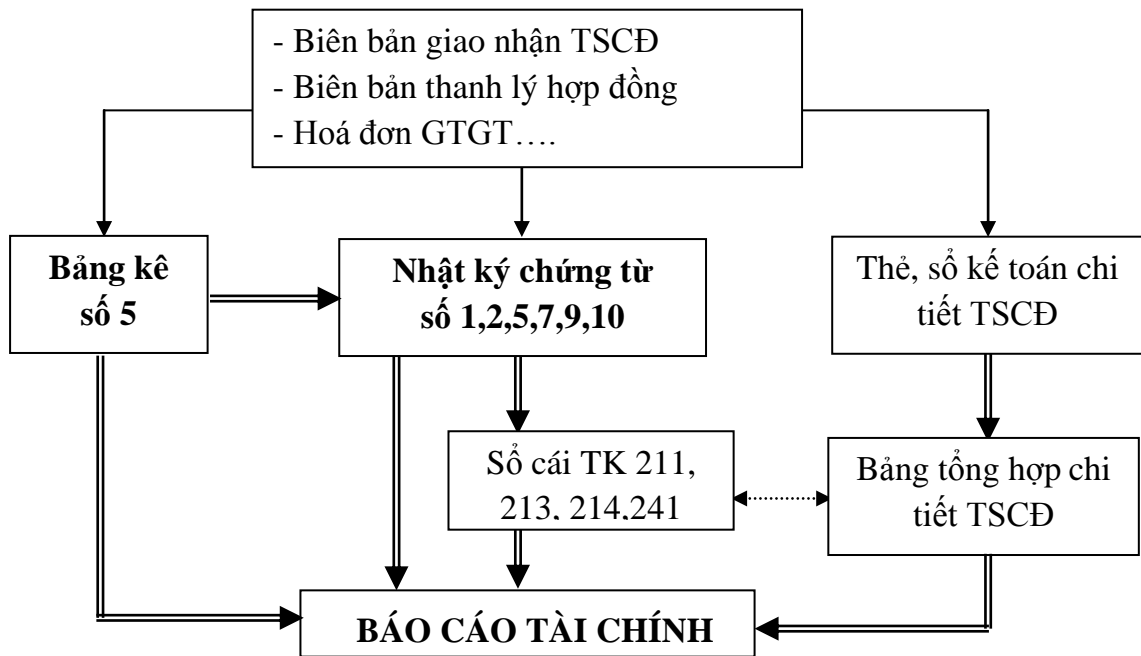
- Biên bản giao nhận TSCĐ (Mẫu số 01 – TSCĐ)
- Biên bản thanh lý TSCĐ (Mẫu số 02 – TSCĐ)
- Biên bản bàn giao TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành (Mẫu số 03 – TSCĐ)
- Biên bản kiểm kê TSCĐ (Mẫu số 05 – TSCĐ)
- Hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT, các chứng từ liên quan khác....

2.2.4.2 Tài khoản sử dụng

Để theo dõi tình hình sử dụng TSCĐ của công ty, kế toán đã sử dụng các tài khoản sau: TK 211, TK 212, TK 213, TK 214, TK 241 và một số tài khoản khác như: TK 111, TK112, TK 331, TK627, TK642....

2.2.4.3 Quy trình hạch toán TSCĐ tại Công ty

Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu – Vinacomin hạch toán tài sản cố định theo quy trình sơ đồ 2.4:



Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán tài sản cố định tại Công ty


Ghi chú:

————> : Ghi hàng ngày hoặc ghi định kỳ

====> : Ghi cuối tháng

◄-----> : Đối chiếu kiểm tra

2.2.4.4 Ví dụ minh họa

 **Ví dụ 3:**

Lấy lại ví dụ 1, trích nghiệp vụ ngày 02/06/2013 Công ty mua mới 01 máy nghiền đá xít của Công ty cổ phần cơ khí Đức Xá với giá mua là 450.000.000 đồng, thuế GTGT là 10%, chưa thanh toán, tài sản này được đầu tư bằng quỹ đầu tư phát triển.

Khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán tiến hành định khoản như sau:

<i>BT1:</i>	Nợ TK 211:	450.000.000
	Nợ TK 133:	45.000.000
	Có TK 331:	495.000.000
<i>BT2:</i>	Nợ TK 414:	450.000.000
	Có TK 411:	450.000.000

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000882 ngày 02/06/2013 (Biểu 2-6) về việc mua máy nghiền đá xít, kế toán tiến hành ghi vào:

- Sổ chi tiết thanh toán với người bán – Công ty CP cơ khí Đức Xá (Biểu 2-3). Cuối tháng số liệu trên các sổ chi tiết thanh toán với người bán được tổng hợp vào Nhật ký chứng từ số 5 (Biểu 2-14)
- Nhật ký chứng từ số 10 (Biểu 2-15)

Biểu 2-6:

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: BC/12B		
Liên 2 : (Giao cho khách hàng)			Số: 0000882		
Ngày 02 tháng 06 năm 2013					
Đơn vị bán hàng : Công ty CP cơ khí Đức Xá Địa chỉ : Mỹ Sơn – Ngũ Lão – Thủy Nguyên – Hải Phòng Số tài khoản : Điện thoại : MST: 0200581866					
Họ tên người mua hàng : Công ty TNHH 1TV than Nam Mẫu – VINACOMIN Địa chỉ : Quang Trung – Uông Bí – Quảng Ninh Số tài khoản: Hình thức thanh toán : Chuyển khoản MST : 5700591477					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B		1	2	3=1×2
1	Máy nghiền đá xít	Chiếc	01	450.000.000	450.000.000
Cộng tiền hàng:					450.000.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			45.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					495.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm chín mươi năm triệu đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

TẬP ĐOÀN CN THAN – KS VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV THAN NAM MẪU

Biểu 2-13:

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331 – Phải trả người bán
Đối tượng: Công ty cổ phần cơ khí Đức Xá
Tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu tháng						-
02/06	882	02/06	Mua máy nghiền đá xít	211			450.000.000		450.000.000
			Thuế GTGT	133			45.000.000		495.000.000
14/06	979	14/06	Mua máy hàn EMC 500	211			16.200.000		511.200.000
....
16/06	1399	16/06	Trả tiền công nợ	112		279.303.640			489.467.939
....
			Cộng phát sinh			658.231.090	975.990.829	-	317.759.739
			Số dư cuối tháng						317.759.739

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

TẬP ĐOÀN CN THAN - KS VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV THAN NAM MẪU – VINACOMIN

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 5
Tài khoản: 331 – Phải trả người bán
Tháng 06 năm 2013

TT	Diễn giải	Số dư đầu kỳ		Ghi nợ TK 331, Ghi có các TK		Cộng nợ	Ghi có TK 331 ghi nợ các TK			Cộng có	Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	TK 112	...		TK 133	TK 211	...		Nợ	Có
1	Cty Hoàng Hà		3.604.527.040				77.856.600	262.064.000		856.422.600		4.460.949.640
2	Cty Đức Xá			658.231.090		658.231.090	88.726.439	887.264.390		975.990.829		317.759.739
3	Cty Hưng Phong		138.569.033	44.031.460		106.071.460	9.754.550	97.545.500		107.300.050		139.797.623
4	XN xăng dầu QN-CH		143.005.000	143.005.000		143.005.000	12.919.100			142.110.100		142.110.100
5	Công ty Cp SX & TM than Uông Bí		3.831.707.714			3.247.237.990	675.984.951	2.039.539.900		5.088.270.994		5.672.740.718
...
51	Công ty PT công nghệ & TB Mỏ		1.338.274.079	500.000.000		500.000.000						838.274.079
52	XN vật tư Hòn Gai		2.018.913.259	1.112.645.050		1.852.905.670	346.604.228	1.575.500.000		3.812.656.799		3.978.664.388
...
	Cộng		26.035.219.162	2.532.750.000		18.942.122.695	4.401.029.549	24.095.145.490		46.411.325.039		53.504.421.156

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán tổng hợp


Kế toán trưởng

Biểu 2-15:

TẬP ĐOÀN CN THAN - KS VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV THAN NAM MẪU –
VINACOMIN

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 10
Ghi Có TK 411 – Nguồn vốn kinh doanh
Tháng 06 năm 2013

TT	Diễn giải	Ghi có TK 411, ghi nợ các TK		
		TK 414	Cộng có TK 411
...
4	Mua máy vi tính bằng quỹ đầu tư phát triển	62.954.545		62.954.545
5	Mua máy bơm bùn	220.000.000		220.000.000
6	Mua máy bơm nước khí nén	400.000.000		400.000.000
7	Mua máy photo rich	65.586.364		65.586.364
8	Mua máy nghiền đá xít	450.000.000		450.000.000
9	Mua máy hàn EMC 500	16.200.000		16.200.000
10	Cáp điện PN - Lắp đặt tời trục JK2,5	259.490.000		259.490.000
11	Chi phí xây dựng hệ thống cấp nước	192.088.720		192.088.720
12	Chi phí thuê cầu - DA DCCS	84.850.000		84.850.000
13	Chi phí đào tạo vận hành cụm sàng	364.031.471		364.031.471
14	Chi phí đền bù - DA DCCS	352.744.700		352.744.700
15	Chi phí báo cáo đánh giá tác động MT	176.972.727		176.972.727
...
	Cộng	24.095.145.490		24.095.145.490

 **Ví dụ 4:**

Lấy lại ví dụ 2, trích nghiệp vụ ngày 30/06/2013, công ty tiến hành thanh lý 01 chiếc xe ô tô hãng DAEWOO đã hết khấu hao. Số thẻ 457, với nguyên giá TSCĐ là 404.940.000đ, đã khấu hao 404.940.000đ. Giá trị còn lại: 0đ. Ban thanh lý của công ty đã họp và quyết định thanh lý TSCĐ trên để trang bị mua xe mới. Ước giá trị thu hồi TSCĐ là 68.527.996đ.


Khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán tiến hành định khoản như sau:

<i>BT1:</i>	Nợ TK 214:	404.940.000
	Có TK 211:	404.940.000
<i>BT2:</i>	Nợ TK 112:	75.380.795
	Có TK 711:	68.527.996
	Có TK 3331:	6.852.799

Từ Giấy báo có của ngân hàng (Biểu 2-16), kế toán tiến hành vào Bảng kê số 2. Căn cứ vào biên bản thanh lý TSCĐ số 422/TL-KH (Biểu số 2-11), kế toán tiến hành ghi vào:

- Nhật ký chứng từ số 8 (Biểu 2-17)
- Nhật ký chứng từ số 9 (Biểu 2-18)
- Cuối tháng, từ các Nhật ký chứng từ ghi vào Sổ cái TK 211 (Biểu 2-19)

Biểu 2-16:

 Vietcombank NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG – UÔNG BÍ	Mã GDV: BATCH Mã KH:10445 Số GD: 147
<h2 style="margin: 0;">GIẤY BÁO CÓ</h2> <p style="margin: 0;">Ngày: 30/06/2013</p>	
Kính gửi: Công ty TNHH MTV THAN NAM MẪU - VINACOMIN Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:	
Số tài khoản ghi CÓ	: 0331000053842
Số tiền bằng số	: 75.380.795
Số tiền bằng chữ	: Bảy mươi lăm triệu ba trăm tám mươi nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng.
Nội dung: ## THU TIỀN CỦA CÔNG TY TNHH ĐT&PT BẢO KHÁNH##	
GIAO DỊCH VIÊN	KIỂM SOÁT

Biểu 2-17:

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8

Ghi Có các TK: 155, 156, 157, 158, 159, 131, 511, 512, 515,

521, 531, 532, 632, 641, 642, 711, 811, 911

Tháng 06 năm 2013

S T T	SHTK ghi nợ	TK ghi có	TK156	TK 131	TK 711	Cộng có
		TK ghi nợ					
	111	Tiền mặt	52.872.375	146.512.900		...	1.502.512.900
	112	Tiền gửi ngân hàng		630.500.000	68.527.996	...	837.250.750
...
		Cộng	506.764.500	1.329.750.450	1.002.354.560	20.869.850.475

TẬP ĐOÀN CN THAN - KS VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV THAN NAM MẪU - VINACOMIN

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 9
Ghi Có Tài khoản 211 – TSCĐ hữu hình
Tháng 06 năm 2013

STT	Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 211, ghi nợ các TK	
	Số hiệu	Ngày tháng		214	Cộng có
...
	125	15/06	Thanh lý (Xe ô tô UAZ 469 14L2600)	50.640.000	50.640.000
	137	17/06	Thanh lý (xe ô tô KPAZ 6510 14L7571)	399.826.190	399.826.190
	142	17/06	Thanh lý (xe ô tô KPAZ 6510 14L7572)	399.826.190	399.826.190
	145	20/06	Thanh lý (xe ô tô KPAZ 6510 14L8633)	494.199.278	494.199.278
	147	30/06	Thanh lý TSCĐ (Xe ô tô Daewoo 14L6958)	404.940.000	404.940.000
...		
			Tổng cộng	4.996.169.366	4.996.169.366

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán tổng hợp
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

TẬP ĐOÀN CN THAN - KS VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV NAM MẪU - VINACOMIN

SỔ CÁI

TK 211 - Tài sản cố định hữu hình

Năm 2013

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
881.449.068.679	

Ghi có các TK đối ứng với TK này	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	...	Tháng 12
331		32.067.450.600	24.095.145.490	28.056.768.900		
Cộng phát sinh Nợ		32.067.450.600	24.095.145.490	28.056.768.900		
Tổng phát sinh Có		5.986.500.256	4.996.169.366	3.259.169.446		
Số dư cuối tháng	Nợ	985.489.220.766	1.004.588.196.890	1.029.385.795.344		
	Có					

2.2.5 Kế toán khấu hao TSCĐ tại Công ty

2.2.5.1 Chứng từ khấu hao TSCĐ

Chứng từ để làm cơ sở hạch toán khấu hao TSCĐ là “Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ”. Bảng này được lập vào cuối tháng.

2.2.5.2 Tài khoản sử dụng

- TK 214 “Hao mòn TSCĐ”
- Các TK khác liên quan: TK 627, 642...

2.2.5.3 Ví dụ minh họa

Ví dụ 5:

Ngày 30/06/2013, kế toán tiến hành trích khấu hao TSCĐ cho từng đối tượng sử dụng vào chi phí SXKD như sau:

- + Tính vào chi phí sản xuất chung: 3.485.011.424 (đồng)
- + Tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp: 352.765.062 (đồng)

Khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán tiến hành định khoản như sau:

Nợ TK 627:	3.485.011.424
Nợ TK 642:	352.765.062
Có TK 214:	3.837.776.486

Cuối tháng kế toán lập Bảng tính và phân bổ khấu hao (Biểu 2-20)

Từ Bảng phân bổ khấu hao, kế toán tiến hành ghi vào:

- Nhật ký chứng từ số 7 (Biểu 2-21)
- Cuối tháng, từ NKCT vào Sổ cái TK 214 (Biểu 2-22)

TẬP ĐOÀN CN THAN - KS VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV NAM MÃU - VINACOMIN

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỔ KHẤU HAO

Tháng 06 năm 2013

STT	Chỉ tiêu	Thời gian sử dụng (năm)	Nơi sử dụng		TK 627	TK 642
			Toàn công ty			
			Nguyên giá	Khấu hao		
I	Số khấu hao đã trích tháng trước		233.729.976.640	3.539.627.732	3.129.952.897	346.719.835
II	Số khấu hao tăng trong tháng		12.926.979.335	418.444.309	402.647.851	15.796.458
	<i>Máy nghiền đá xít</i>	8	450.000.000	4.531.250	4.531.250	
	<i>Máy bơm khí nén S20B</i>	6		658.828	658.828	

III	Số khấu hao giảm trong tháng		2.785.431.910	120.340.555	110.589.324	9.751.231
	<i>Máy xúc EKG</i>	6	458.532.637	6.368.509	6.368.509	

IV	Số khấu hao phải trích tháng này		243.871.521.065	3.837.776.486	3.485.011.424	352.765.062

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán tổng hợp
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

TẬP ĐOÀN CN THAN - KS VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV THAN NAM MẪU – VINACOMIN

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 7

Phần I: Tập hợp chi phí sản xuất, kinh doanh toàn doanh nghiệp

Ghi có các TK: 142, 152, 153, 154, 214, 241, 242, 334, 335, 338, 351, 352, 611, 621, 622, 623, 627, 631

Tháng 06 năm 2013

STT	Các Tk ghi có	...	153	214	334	...	Các TK phản ánh ở các NKCT khác				Tổng cộng
							NKCT 1	NKCT 2	NKCT 5	NKCT 10	
1	154					45.892.590.499
2	2413										
...
9	6211	...	9.963.431			...					14.594.254.714
10	627	...	411.965	3.485.011.424	3.061.859.055	...	10.129.080	20.973.708	3.615.998.743	2.289.881.033	18.917.912.073
12	642			352.765.062							
...
15	Cộng A	...	10.375.396	3.837.776.486	14.137.389.848	...	10.129.080	20.973.708	3.615.998.743	2.289.881.033	91.785.180.998
16	152					-
...
24	Cộng B	...	-	-	-	...	-	-	-	-	-
25	Tổng cộng (A+B)	...	10.375.396	3.837.776.486	14.137.389.848	...	10.129.080	20.973.708	3.615.998.743	2.289.881.033	91.785.180.998

TẬP ĐOÀN CN THAN - KS VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV NAM MẪU - VINACOMIN

SỔ CÁI

Tài khoản 214- Hao mòn tài sản cố định

Năm 2013

Số đầu năm	
Nợ	Có
	231.464.958.667

Ghi có các TK đối ứng với TK này	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 12
211		5.235.125.684	4.996.169.366	3.234.564.349		
...
Cộng phát sinh Nợ		5.235.125.684	4.996.169.366	3.234.564.349		
Tổng phát sinh Có		3.983.085.263	3.837.776.486	5.265.367.896		
Số dư cuối tháng	Nợ					
	Có		282.294.523.310	281.136.130.430	283.166.933.977	...

2.2.6 Kế toán sửa chữa TSCĐ tại Công ty

Công ty Than Nam Mầu sản xuất và kinh doanh than theo công nghệ khai thác hầm lò. Do quá trình sản xuất diễn ra liên tục nên công ty rất coi trọng công tác sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa lớn TSCĐ.

- Sửa chữa thường xuyên TSCĐ

Với các máy móc thiết bị đã sử dụng, việc sửa chữa nhỏ diễn ra thường xuyên nhằm duy trì khả năng hoạt động bình thường của các tài sản. Công việc sửa chữa thường xuyên TSCĐ có thể do tổ sửa chữa của công ty thực hiện hoặc thuê ngoài. Công việc sửa chữa được tiến hành thường xuyên, thời gian sửa chữa ngắn nên chi phí sửa chữa phát sinh thường không lớn, do vậy công ty không phải lập dự toán sửa chữa. Chi phí sửa chữa thường xuyên TSCĐ phát sinh được tập hợp và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của bộ phận có tài sản sửa chữa.

- Sửa chữa lớn TSCĐ

Khi TSCĐ bị hư hỏng nặng hoặc theo yêu cầu kỹ thuật đảm bảo cho TSCĐ duy trì được năng lực hoạt động bình thường Công ty tiến hành sửa chữa lớn TSCĐ. Thời gian tiến hành sửa chữa dài, chi phí phát sinh sửa chữa lớn, phát sinh nhiều do vậy Công ty lập kế hoạch, dự toán theo từng công trình sửa chữa lớn.

2.2.6.1 Chứng từ kế toán sử dụng

- Biên bản giám định kỹ thuật
- Quyết định đưa thiết bị vào sửa chữa
- Hợp đồng kinh tế
- Biên bản nghiệm thu kỹ thuật bàn giao thiết bị
- Hoá đơn GTGT
- Các chứng từ, tài liệu kỹ thuật có liên quan khác...

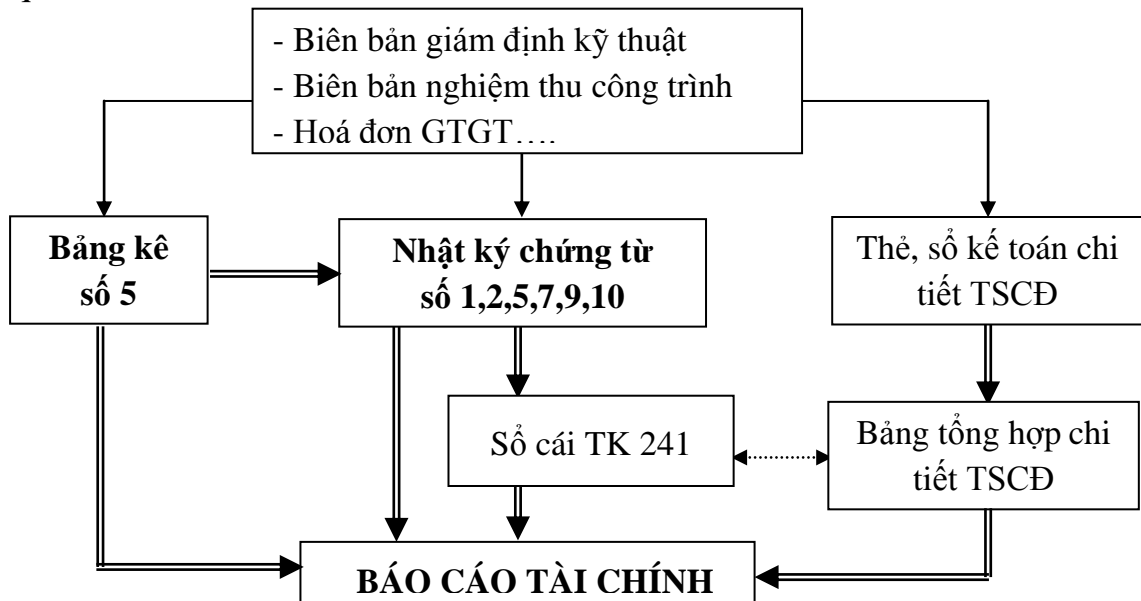
2.2.6.2 Tài khoản sử dụng:

Để giám sát chặt chẽ chi phí và giá thành công trình sửa chữa lớn, các chi phí này trước hết phải được tập hợp ở TK 241- XDCB dở dang (241.3 – sửa chữa lớn TSCĐ) chi tiết cho từng công trình, từng công tác sửa chữa lớn TSCĐ.

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các tài khoản kế toán khác có liên quan như: TK 335, TK 242...

2.2.6.3 Quy trình hạch toán

Công ty hạch toán sửa chữa tài sản cố định theo quy trình hạch toán thể hiện qua sơ đồ 2.5 như sau:



Sơ đồ 2.5: Quy trình kế toán sửa chữa tài sản cố định tại Công ty

Ghi chú:

—————> : Ghi hàng ngày

====> : Ghi cuối tháng hoặc ghi định kỳ

◄-----► : Đối chiếu kiểm tra

2.2.6.4 Ví dụ minh họa

✚ Ví dụ 6:

Trích một nghiệp vụ sửa chữa lớn trong tháng 06 năm 2013 Công ty thuê ngoài Sửa chữa nhà máy bơm KK32.

(*) Các chứng từ kế toán sử dụng để hạch toán:

- Biên bản giám định tình trạng kỹ thuật vật kiến trúc (Biểu 2-23)
- Sau khi có quyết định phê duyệt của giám đốc công ty hai bên sẽ tiến hành lập Hợp đồng kinh tế số 354/HĐ-KHZ (Biểu 2-24)
- Biên bản nghiệm thu công trình (Biểu 2-25)
- Biên bản giao nhận TSCĐ sau khi sửa chữa xong (Biểu 2-26)
- Hóa đơn GTGT số 0005052 ngày 01/06/2013 (Biểu 2-27)

Căn cứ vào các chứng từ trên, kế toán ghi vào:

- Bảng kê số 5 (Biểu 2-28)
- Nhật ký chứng từ số 7 (Biểu 2-29)
- Sổ cái TK 241 (Biểu 2-30)

**CÔNG TY TNHH MTV THAN
NAM MÃU - VINACOMIN**

Địa chỉ: Uông Bí – Quảng Ninh

Số 98/QĐ-KTCD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Uông Bí, ngày 05 tháng 05 năm 2013

**BIÊN BẢN GIÁM ĐỊNH TÌNH TRẠNG KỸ THUẬT
VẬT KIẾN TRÚC**

Hôm nay, ngày 05 tháng 05 năm 2013. Hội đồng giám định kỹ thuật gồm:

- | | | |
|------------------------|-------------------------|---------------------|
| 1. Ông Bùi Quốc Tuấn | Chức vụ: GD Cty | - Chủ tịch hội đồng |
| 2. Ông Phạm Văn Hòa | Chức vụ: PGĐ Công ty | - Ủy viên |
| 3. Bà Trần Thị Vân Anh | Chức vụ: Kế toán trưởng | - Ủy viên |
| 4. Ông Lê Quang Đại | Chức vụ: TP KHZ | - Ủy viên |
| 5. Ông Nguyễn Văn Khoa | Chức vụ: TP. Vật tư | - Ủy viên |

Đã tiến hành giám định Nhà đặt máy bơm KK32

Năm sử dụng: 2001

1. Tình trạng ngôi nhà

- Phần mái: Các tấm lợp Bê tông đã bị vỡ, nhiều hỏng, đổ bị gãy.
- Phần cửa: Bị vỡ kính, hỏng.
- Phần tường: Bị bong vữa.

2. Kết luận của hội đồng giám định kỹ thuật: Nhất trí đưa vào trùng tu.

- Biên bản giám định được lập xong hồi 11h cùng ngày và được mọi người nhất trí thông qua.

CÁC THÀNH VIÊN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

**CÔNG TY TNHH MTV THAN
NAM MẪU - VINACOMIN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ: Uông Bí – Quảng Ninh

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 354/HĐ-KHZ

Uông Bí, ngày 10 tháng 05 năm 2013

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

- Căn cứ pháp lệnh hợp đồng kinh tế ngày 25/9/1989 của Chủ tịch hội đồng nhà nước, Nghị định số 17 HĐBT ngày 16/1/1990 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành về chế độ hợp đồng kinh tế.

- Căn cứ vào nhu cầu, khả năng 2 bên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 05 năm 2013, chúng tôi gồm:

Một bên là Công ty TNHH MTV than Nam Mẫu - Vinacomin (Bên A)

Địa chỉ: Sô 1A - Đường Trần Phú - Quang Trung - Uông Bí - Quảng Ninh

Số điện thoại:

FAX:

Tài khoản: 44110000000077

Tại Ngân hàng BDIV Uông Bí

Mã số thuế: 5700591477

Do ông: Bùi Quốc Tuấn

Chức vụ: Giám đốc Công ty - Đại diện ký kết hợp đồng

Một bên là Công ty CP xây dựng Vân Hương (Bên B)

Địa chỉ: Cẩm Đông – Cẩm Phả - Quảng Ninh

Số điện thoại: 033. 3862 343

FAX: 033. 3864 038

Tài khoản: 44110000000323

Tại Ngân hàng BDIV Cẩm Phả

Mã số thuế: 5700477326

Do ông: Nguyễn Tất Thắng

Chức vụ: Giám đốc Công ty - Đại diện ký kết hợp đồng

Hai bên đã bàn bạc và thoả thuận ký hợp đồng việc sửa chữa thiết bị với các điều khoản sau:

Bên B: Nhận sửa chữa cho bên A thiết bị sau: **Nhà để máy bơm KK32**

Giá trị sửa chữa theo dự toán do Công ty TNHH MTV than Nam Mẫu - Vinacomin duyệt tại biên bản phê duyệt dự toán công trình là:

TT	Nội dung	Thành tiền
1	Chi phí vật tư	398.715.246
2	Nhiên liệu	22.927.600
3	Tiền lương	201.564.540
4	BHXH	42.328.553
5	Động lực	3.728.000
6	Khấu hao TSCĐ	15.279.000
7	Chi phí khác	10.292.075
8	Cộng chi phí	694.835.014
9	Thuế GTGT 10%	69.483.501
10	Giá trị sau thuế	764.318.515

Duyệt dự toán, quyết dự toán sửa cho do bên B lập.

Nghiệm thu sau khi sửa chữa do bên B lập.

Bên B sửa chữa theo đúng nội dung đã thống nhất đảm bảo kỹ thuật và chất lượng thay thế phụ tùng đúng theo nội dung đã thống nhất.

Thông báo cho bên A ngày nghiệm thu.

Bảo hành chất lượng công trình sau sửa chữa 03 tháng kể từ ngày bàn giao thiết bị cho bên A sử dụng.

1. Giá cả và hình thức thanh toán

Thanh toán bằng chuyển khoản, bằng séc, tiền mặt có giá trị theo quyết toán được duyệt sau khi nhận thiết bị có biên bản nghiệm thu và hoàn chỉnh hồ sơ TĐT theo quy định của Việt Nam.

2. Điều khoản chung: Trong khi thực hiện hợp đồng nếu có gì vướng mắc hai bên thông báo cho nhau biết để bàn bạc giải quyết. Hai bên có trách nhiệm thi hành nghiêm, bên nào không thực hiện đúng bên đó hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của pháp lệnh hợp đồng kinh tế.

Trong vòng 15 ngày kể từ khi bên B thực hiện xong hợp đồng nếu không có gì phát sinh, hai bên không còn gì vướng mắc gì thì hợp đồng coi như đã thanh lý.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

**CÔNG TY TNHH MTV THAN
NAM MẪU - VINACOMIN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ: Uông Bí – Quảng Ninh

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 567/BB-KHZ

Uông Bí, ngày 28 tháng 05 năm 2013

BIÊN BẢN NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH

“Công trình nhà để máy bơm KK32”

Hôm nay, ngày 28 tháng 05 năm 2013, Hội đồng nghiệm thu kỹ thuật thiết bị sau khi sửa chữa, cải tạo xong công trình nhà để máy bơm KK32 của Công ty TNHH MTV than Nam Mẫu - Vinacomin được sửa chữa theo hợp đồng số 354/HĐ- KHZ.

Địa điểm: Công ty TNHH MTV than Nam Mẫu

Đại diện bên A: Công ty TNHH MTV than Nam Mẫu - Vinacomin

- | | | |
|------------------------|-------------------------|--------------------|
| 1. Ông Bùi Quốc Tuấn | Chức vụ: GD Công ty | -Chủ tịch hội đồng |
| 2. Ông Phạm Văn Hòa | Chức vụ: PGĐ Công ty | - Ủy viên |
| 3. Bà Trần Thị Vân Anh | Chức vụ: Kế toán trưởng | - Ủy viên |
| 4. Ông Lê Quang Đại | Chức vụ: TP KHZ | - Ủy viên |
| 5. Ông Nguyễn Văn Khoa | Chức vụ: TP. Vật tư | - Ủy viên |

Đại diện bên B: Công ty CP xây dựng Vân Hương

- | | |
|---------------------|--------------------------|
| 1. Nguyễn Tất Thắng | Chức vụ: Giám đốc C.ty |
| 2. Hoàng Nam Khánh | Chức vụ: Trưởng phòng CD |
| 3. Lê Thị Lan | Chức vụ: Trưởng phòng KH |

TT	Hạng mục	Tình trạng hoạt động và các thông số kỹ thuật
1	Phần mái	Bê tông dày 15 cm
2	Phần tường	Trát vữa ba ta, phẳng, nhẵn
3	Cửa	Cửa nhôm kính, đóng mở dễ dàng
4	Nền	Lát gạch hoa 40x40 đẹp

Kết luận: Hội đồng giám định công trình của Công ty TNHH MTV than Nam Mẫu - Vinacomin do Công ty CP XD Vân Hương sửa chữa đã đạt yêu cầu kỹ thuật đủ điều kiện để đưa vào hoạt động.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

**CÔNG TY TNHH MTV THAN
NAM MẪU - VINACOMIN**

Địa chỉ: Uông Bí – Quảng Ninh

Số 568/BB-KHZ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Uông Bí, ngày 28 tháng 05 năm 2013

BIÊN BẢN GIAO NHẬN TSCĐ SAU KHI SỬA CHỮA XONG

Ngày 28 tháng 05 năm 2013

Căn cứ vào biên bản nghiệm thu kỹ thuật số 567/BB- KHZ ngày 28 tháng 12 năm 2013 của Giám đốc Công ty về việc bàn giao TSCĐ do Công ty CP xây dựng Vân Hương sửa chữa.

Đại diện bên giao:

Ông: Bùi Văn Hải - Phó quản đốc Thi công - Công ty CP XD Vân Hương

Đại diện bên nhận:

Ông: An Văn Xuyên - Công nhân vận hành - Công ty TNHH MTV than Nam Mẫu – Vinacomin.

Xác nhận việc giao nhận TSCĐ như sau:

Công ty CP xây dựng Vân Hương đã sửa chữa công trình Nhà để máy bơm KK32 đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Hai bên thống nhất bàn giao tài sản vào sử dụng từ ngày 28/05/2013.

Đại diện bên giao

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện bên nhận

(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2-27:

HOÁ ĐƠN			Mẫu số:01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu:AA/12B		
Liên 2 : (Giao cho khách hàng)			Số : 0005052		
Ngày 01 tháng 06 năm 2013					
Đơn vị bán hàng : Công ty CP xây dựng Vân Hương					
Địa chỉ : Cẩm Đông – Cẩm Phả - Quảng Ninh					
Số tài khoản :					
Điện thoại :			MST: 5700477326		
Họ tên người mua hàng : An Văn Xuyên					
Đơn vị: Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu - Vinacomin					
Địa chỉ : Quang Trung – Uông Bí – Quảng Ninh					
Số tài khoản: 4411000000068 BIDV CP					
Hình thức thanh toán : Chuyển khoản			MST : 5700591477		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B		1	2	3=1×2
1	Sửa chữa công trình nhà để máy bơm KK32		01	694.835.014	694.835.014
Cộng tiền hàng:					694.835.014
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		69.483.501
Tổng cộng tiền thanh toán:					764.318.515
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bảy trăm sáu mươi tư triệu ba trăm mười tám nghìn năm trăm mười năm đồng.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i>					

- Toàn bộ chi phí sửa chữa lớn phát sinh trong kỳ được tập hợp vào bên nợ TK 241:

Nợ TK 2413: 694.835.014

Nợ TK 133: 69.483.501

Có TK 331: 764.318.515

- Khi công trình sửa chữa lớn hoàn thành bàn giao, do chi phí sửa chữa lớn đã được trích trước nên kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 335: 694.835.014

Có TK 2413: 694.835.014

- Căn cứ vào định khoản của các nghiệp vụ tập hợp chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, kế toán ghi vào bảng kê số 5 và nhật ký chứng từ số 7.

TẬP ĐOÀN CN THAN – KS VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MTV THAN NAM MẪU - VINACOMIN

TRÍCH BẢNG KÊ SỔ 5

Tập hợp: Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ (TK 2413)

Tháng 06 năm 2013

STT	Các TK ghi Có Các TK ghi Nợ	TK 152	TK 334	TK 338	TK331	Cộng
	TK 2413 – Sửa chữa lớn TSCĐ		325.032.290	187.092.000	20.462.969	8.379.334.627			12.125.439.044
	- Trung tu máy xúc EKG 8U số 8		1.200.000	98.648.000	10.128.200	1.850.000			127.576.700
	- Trung tu xe Benlaz 14L-8547					191.872.000			191.872.000
	- Chi phí sửa chữa nhà máy bơm KK32					694.835.014			694.835.014
...
	Cộng		325.032.290	187.092.000	20.462.969	8.379.334.631			12.125.439.044

TẬP ĐOÀN CN THAN - KS VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV THAN NAM MẪU – VINACOMIN

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 7

Phần I: Tập hợp chi phí sản xuất, kinh doanh toàn doanh nghiệp

Ghi có các TK: 142, 152, 153, 154, 214, 241, 242, 334, 335, 338, 351, 352, 611, 621, 622, 623, 627, 631

Tháng 06 năm 2013

STT	Các Tk ghi có	...	153	214	241	334	...	Các TK phản ánh ở các NKCT khác				Tổng cộng
	Các TK ghi nợ							NKCT 1	NKCT 2	NKCT 5	NKCT 10	
1	154					45.892.590.499
2	335				12.125.439.044							
...
9	6211	...	9.963.431				...					14.594.254.714
10	623					-
11	627 than	...	411.965	7.291.364.812		3.061.859.055	...	10.129.080	20.973.708	3.615.998.743	2.289.881.033	18.917.912.073
...
15	Cộng A	...	10.375.396	8.550.445.652	12.231.542.675	14.137.389.848	...	10.129.080	20.973.708	3.615.998.743	2.289.881.033	91.785.180.998
16	152					-
...
24	Cộng B	...	-	-		-	...	-	-	-	-	-
25	Tổng cộng (A+B)	...	10.375.396	8.550.445.652	12.231.542.675	14.137.389.848	...	10.129.080	20.973.708	3.615.998.743	2.289.881.033	91.785.180.998

TẬP ĐOÀN CN THAN - KS VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV THAN NAM MẪU – VINACOMIN

SỔ CÁI

Tài khoản 241 – Xây dựng cơ bản dở dang
Năm 2013

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
11.117.469.938	

Ghi có các TK đối ứng với TK này	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 12
TK 152			325.032.290	125.624.235		
TK 334		24.356.125	187.092.000	152.850.746		
TK 338		7.356.680	20.462.969	14.267.548		
TK 331		3.459.750.505	8.379.334.631	5.266.543.760		
...
Cộng phát sinh nợ		8.563.782.235	12.125.439.044	8.134.890.236		
Tổng phát sinh có		10.256.784.367	12.231.542.675	8.627.250.906		
Số dư cuối tháng	Nợ	2.137.235.222	2.031.131.591	1.538.770.921		
	Có					

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THAN NAM MẪU – VINACOMIN

3.3 Đánh giá chung về công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu - Vinacomin

Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu – Vinacomin là một công ty có bề dày truyền thống với hơn 15 năm xây dựng và trưởng thành trong lĩnh vực khai thác than. Công ty ngày một khẳng định vị trí của mình trong Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và trong nền kinh tế thị trường. Sản phẩm của công ty có chất lượng cao, đa dạng về chủng loại đã tạo được uy tín đối với khách hàng.

Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu – Vinacomin là một doanh nghiệp thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam hạch toán độc lập có nhiệm vụ chủ yếu là khai thác chế biến và tiêu thụ than, công tác kế toán của công ty mang những nét đặc thù của ngành khai thác tài nguyên. Để đảm bảo mục đích sản xuất kinh doanh có hiệu quả, mục tiêu phát triển làm ăn có lãi. Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu – Vinacomin đã áp dụng rất nhiều biện pháp trong quản lý, sản xuất đặc biệt là tổ chức công tác kế toán. Là một doanh nghiệp công nghiệp khai thác than nên tỷ trọng TSCĐ chiếm phần lớn trong tổng tài sản vì việc tổ chức tốt công tác kế toán TSCĐ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm đưa công ty ngày càng phát triển ổn định.

3.3.1 Ưu điểm

3.3.1.1 Về công tác kế toán nói chung

Qua thời gian thực tập tại công ty, vận dụng những lý luận vào thực tiễn vào công tác tổ chức bộ máy kế toán tại công ty, em thấy có những ưu điểm sau:

- Về tổ chức bộ máy quản lý:

Công ty đã xây dựng bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng và hạch toán phù hợp với nhu cầu của nền kinh tế thị trường. Ngoài chức năng, nhiệm vụ của mình, các phòng còn giúp đỡ nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Chính sự thống nhất trong công tác quản lý giữa các phòng ban trong công

ty cũng như các phần hành kế toán trong bộ máy kế toán đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của Ban lãnh đạo công ty.

- *Về tổ chức bộ máy kế toán:*

Trong những năm qua, ban lãnh đạo và đội ngũ lao động trong công ty đã không ngừng cố gắng khắc phục những khó khăn để hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Có được những thành quả đó phải kể tới sự đóng góp không nhỏ của bộ máy kế toán của công ty đã cung cấp những thông tin chính xác góp phần giúp công ty có những định hướng đúng đắn trong thời điểm khó khăn của công ty.

Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty được xây dựng trên mô hình tập trung, phù hợp với đặc điểm quy mô sản xuất của Công ty. Các phòng ban phối hợp chặt chẽ với phòng kế toán đảm bảo công tác hạch toán, đảm bảo sự kiểm tra đối chiếu lẫn nhau giữa các phần hành kế toán trong công ty. Hơn nữa, đội ngũ cán bộ kế toán đều là những người có kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và biết sử dụng máy vi tính, đáp ứng được nhu cầu công việc đòi hỏi, có sự phân cấp trách nhiệm rõ ràng.

- *Về áp dụng chế độ ghi chép:*

Công ty luôn thực hiện đầy đủ và đúng quy định về chế độ ghi chép trên các chứng từ, bảng biểu và các sổ kế toán. Hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ theo hệ thống tài khoản kế toán mới ban hành. Đây là hình thức được sử dụng kết hợp chặt chẽ giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết nhằm làm giảm khối lượng công việc kế toán, cung cấp thông tin kịp thời thuận tiện cho việc phân công công tác tránh tình trạng ghi chép trùng lặp, thực hiện việc kiểm tra đối chiếu diễn ra đều đặn trong tháng, đáp ứng yêu cầu quản lý và kế toán tài sản cố định nói riêng.

- *Về hệ thống chứng từ kế toán:*

Chứng từ kế toán vừa là cơ sở hạch toán, vừa là cơ sở pháp lý cho các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Công ty sử dụng các mẫu chứng từ, biểu mẫu báo cáo theo đúng quy định và hướng dẫn của Bộ Tài Chính. Việc luân chuyển chứng từ được tổ chức một cách khoa học, có sự phối hợp nhịp nhàng ăn khớp với nhau giữa các bộ phận giúp cho Kế toán tổng hợp dễ dàng tổng hợp đối chiếu, kiểm tra số liệu khi cần thiết.

- *Về mặt hệ thống tài khoản:*

Hệ thống sử dụng theo đúng quy định của Bộ tài chính, ngoài ra phòng kế toán đã xây dựng hệ thống tài khoản theo đặc điểm riêng của công ty một cách đầy đủ và chi tiết, vừa đảm bảo được nguyên tắc thống nhất trong các nhiệm vụ kế toán do Bộ tài chính đề ra, vừa thích ứng với thực tiễn quản lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty.

3.3.1.2 Về công tác kế toán TSCĐ

Trong điều kiện cách mạng khoa học kỹ thuật và công nghệ ngày càng phát triển mạnh mẽ, xuất phát từ đặc thù kinh doanh của ngành, công ty cũng vươn lên đầu tư đổi mới trang thiết bị máy móc hiện đại, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ công nhân viên, tổ chức tốt công tác sản xuất kinh doanh. Do đó công ty luôn chú trọng tới phân hành kế toán TSCĐ.

Tài sản cố định của công ty được trang bị rất nhiều và đa dạng và nằm ở các bộ phận khác nhau. Vì vậy để quản lý TSCĐ một cách chặt chẽ công ty phân cấp quản lý TSCĐ đến từng đơn vị sử dụng phải có trách nhiệm theo dõi và quản lý TSCĐ ở đơn vị mình. Điều này giúp cho kế toán TSCĐ của công ty có thể thống nhất mở sổ sách từ công ty xuống các đơn vị, bộ phận để theo dõi TSCĐ chi tiết chặt chẽ.

- *Về công tác tổ chức kế toán chi tiết, tổng hợp TSCĐ:*

TSCĐ trong công ty rất đa dạng về số lượng, chất lượng và chủng loại... Công ty đã tiến hành phân loại TSCĐ theo nhiều tiêu thức khác nhau, mỗi cách phân loại đều có đặc trưng riêng phù hợp với yêu cầu quản lý TSCĐ trong Công ty và đáp ứng các yêu cầu của chế độ kế toán. Phòng Tài chính – Thống kê – Kế toán của công ty đã xây dựng một hệ thống sổ sách kế toán, cách thức ghi chép, phương pháp hạch toán một cách khoa học hợp lý. Mỗi sự biến động tăng, giảm TSCĐ ở công ty đều được kế toán mở thẻ TSCĐ, ghi chép vào sổ chi tiết và sổ tổng hợp về TSCĐ đảm bảo theo dõi đầy đủ các đặc trưng của tài sản cố định về năm sản xuất, năm sử dụng, nguyên giá, giá trị hao mòn... điều đó giúp cho Kế toán nắm bắt một cách tổng quan giá trị TSCĐ chung toàn công ty.

- *Về công tác kế toán khấu hao TSCĐ:*

Công tác kế toán khấu hao TSCĐ được tính và trích đầy đủ và được lập bảng phân bổ theo tháng chi tiết cho từng đối tượng sử dụng.

- *Về đổi mới TSCĐ phục vụ cho sản xuất:*

Công ty đã mạnh dạn đầu tư nhiều thiết bị công nghệ mới chủ yếu là phương tiện vận tải, máy móc thiết bị và thiết bị động lực để phù hợp với xu thế, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm... nhằm mục đích thích ứng với nhu cầu đòi hỏi sản phẩm ngày càng phải có chất lượng cao hơn.

- *Về công tác quản lý TSCĐ:*

Công ty đã thực hiện tốt chế độ kiểm kê định kỳ tài sản, thực hiện tốt chế độ báo cáo kế toán tài sản cố định theo quy định của ngành và của Nhà nước. Nhân viên kế toán tại công ty với trình độ vững vàng luôn nhanh chóng thích ứng và có những thay đổi trong hạch toán kế toán để phù hợp với những thay đổi của chế độ.

- *Về tình hình sửa chữa TSCĐ:*

Công ty đã thực hiện nghiêm ngặt chế độ bảo dưỡng TSCĐ đặc biệt là máy móc thiết bị phục vụ cho công tác sản xuất chính trên cơ sở căn cứ vào số giờ ca máy hoạt động. Công ty đã kết hợp giữa sửa chữa tự làm và thuê ngoài tạo sự chủ động trong sản xuất kinh doanh.

3.3.2 Hạn chế trong công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu - Vinacomin

Bên cạnh những thành tích đạt được, Công ty cần phải khắc phục, hạn chế một số khâu trong quá trình hoạt động cũng như trong chiến lược phát triển bền vững lâu dài, cụ thể là:

- *Hạn chế trong quản lý và đầu tư tài sản cố định:*

Công ty thực hiện quản lý tài sản cố định theo mô hình tập trung theo từng bộ phận. Tuy nhiên việc giao quyền trực tiếp quản lý cho công nhân chưa thực sự coi trọng, có tài sản được giao cho nhiều người cùng sử dụng sẽ dễ dẫn đến khó quy trách nhiệm.

Việc đầu tư TSCĐ Công ty không được tự chủ động trong việc chọn cho mình đối tác mua bán mà chỉ được lựa chọn một thông số kỹ thuật còn chủ yếu là do sự giao dịch của Tập đoàn cũng như sự chỉ định của Tập đoàn Công nghiệp than – Khoáng sản Việt nam TKV. Bên cạnh đó việc sửa chữa thường xuyên cũng như sửa chữa lớn, việc chọn nhà cung ứng vật tư cũng phải theo quy định của Tập đoàn cho phép. Điều này tác động không nhỏ đến giá thành sản phẩm và tuổi thọ của TSCĐ cũng như hiệu quả của các thiết bị đó.

- *Về công tác kế toán chi tiết TSCĐ:*

Khi TSCĐ trong công ty có biến động, kế toán công ty chỉ ghi thẻ TSCĐ và lập sổ TSCĐ về tình hình tăng giảm trong tháng. Công ty không lập Sổ theo dõi TSCĐ tại nơi sử dụng. Do đó ta không thể quản lý tài sản theo từng bộ phận sử dụng tài sản. Điều này gây khó khăn cho việc hạch toán khấu hao, quản lý và kiểm tra các thông tin có liên quan đến TSCĐ của từng bộ phận, đơn vị sử dụng khi cần thiết.

- *Về việc xử lý tài sản theo Thông tư 45:*

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 thay thế Thông tư 203 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Trong đó có một số điểm được sửa đổi, bổ sung như: Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trở lên trong khi Thông tư 203 quy định là 10.000.000 đồng trở lên.... Tại công ty vẫn chưa thực hiện điều chỉnh lại các tài sản không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo Thông tư 45 của Bộ Tài chính đã ban hành. Vì vậy, các tài sản các năm trước của công ty không đủ điều kiện theo Thông tư 45 cần phải được điều chỉnh lại theo đúng quy định của Bộ tài chính.

Cụ thể, một số TSCĐ tại công ty có giá trị từ trên 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng vẫn được xác định là đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ theo thông tư 203, nhưng theo như Thông tư 45 thì những tài sản đó chưa đủ tiêu chuẩn để ghi nhận là TSCĐ.

- *Về xác định thời gian trích khấu hao:*

Công ty chưa áp dụng điều chỉnh lại thời gian trích khấu hao của một số máy móc, thiết bị được quy định lại theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 45 của Bộ tài chính ngày 25/04/2013 đã sửa đổi, quy định thời gian trích khấu hao tối đa của nhiều nhóm tài sản cố định tăng lên đặc biệt là máy móc, thiết bị động lực, máy móc thiết bị công tác. Do vậy, công ty cần thực hiện điều chỉnh lại thời gian trích khấu hao và tính toán lại mức trích khấu hao cho phù hợp.

- *Về ứng dụng phần mềm kế toán máy vào tổ chức công tác kế toán:*

Khối lượng công việc khá lớn là một vấn đề gây ảnh hưởng lớn đến hiệu quả công việc hạch toán kế toán tại Công ty TNHH MTV Than Nam Mẫu – Vinacomin. Mặc dù đội ngũ cán bộ được tinh giảm nhưng vẫn phải đảm nhiệm đầy đủ các phần việc, mặt khác việc áp dụng hình thức “Nhật ký chứng từ” đòi hỏi hệ thống sổ sách chứng từ kế toán rất công phu, việc ghi chép mất nhiều thời

gian, đôi khi trở nên quá sức đối với đội ngũ nhân viên phòng kế toán, ảnh hưởng lớn đến khả năng cung cấp thông tin. Do đó công ty nên thay thế hạch toán kế toán thủ công bằng hạch toán kế toán trên phần mềm kế toán máy.

3.4 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác hạch toán TSCĐ tại Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mấu – Vinacomin

Trong bối cảnh nền kinh tế đang trong thời kỳ hội nhập đòi hỏi tất cả các thành phần kinh tế, các tổ chức kinh doanh không ngừng đổi mới vận động để thích nghi với môi trường kinh doanh.

Với chỉ tiêu trên Công ty có kế hoạch đầu tư XDCB, đầu tư trang bị các máy móc thiết bị để đảm bảo tốt kế hoạch trong năm. Đầu tư bổ sung thiết bị nhằm từng bước chủ động để tiến đến không phải thuê ngoài vận chuyển than ra cảng, quyết tâm nâng cao chất lượng sản phẩm, phẩm cấp than trong quá trình khấu than cũng như chế biến.

Trong một thời gian ngắn thực tập tại Phòng Tài chính – Thống kê – Kế toán của Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mấu – Vinacomin, em đã được tiếp cận và có sự nhìn nhận thực tế hơn đối với công tác kế toán của một Doanh nghiệp. Thực trạng kế toán TSCĐ tại Công ty nhìn chung có công tác quản lý, hạch toán TSCĐ trong Công ty là khá tốt, tuân thủ theo quy định kế toán hiện hành. Tuy nhiên bên cạnh đó còn tồn tại một số vấn đề trong kế toán TSCĐ cần hoàn thiện để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

3.4.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện

Ngày nay, kế toán không chỉ làm công tác tính toán ghi chép đơn thuần về tài sản và sự vận động của tài sản mà nó còn là một bộ phận chủ yếu của hệ thống thông tin, là công cụ quản lý thiết yếu. Dựa trên những thông tin trung thực, chính xác nhà quản trị mới có thể đưa ra được những quyết định kinh doanh hữu hiệu nhất. Như vậy về mặt sử dụng thông tin, kế toán là một công cụ không thể thiếu trong công cụ quản lý kinh doanh có hiệu quả, giúp nhà quản lý đánh giá được các hoạt động của mọi tổ chức, mọi Doanh nghiệp.

Hoàn thiện quá trình này sẽ giúp cho khối lượng công việc kế toán được giảm nhẹ, hệ thống sổ sách đơn giản, dễ ghi chép, đối chiếu, kiểm tra xác định chính xác thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế... tạo điều kiện cho việc lên các báo cáo tài chính cuối kỳ đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế cho các đối tượng quan tâm.

Quá trình này được hoàn thiện sẽ giúp cho việc tổ chức chứng từ ban đầu và quá trình luân chuyển chứng từ được dễ dàng, tiết kiệm được chi phí và thời gian tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán cuối kỳ để phản ánh một cách chính xác, trung thực, đầy đủ tình hình kinh doanh của Doanh nghiệp để từ đó xác định chính xác được hiệu quả của một kỳ kinh doanh và tình hình tài chính của Doanh nghiệp và đưa ra những phương hướng kinh doanh kỳ tới.

3.4.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu - Vinacomin

Qua thời gian thực tập tại Công ty Than Nam Mẫu, tìm hiểu thực tế công tác kế toán TSCĐ tại Công ty, em nhận thấy việc hạch toán kế toán tài sản cố định ở Công ty có nhiều ưu điểm song vẫn còn những nhược điểm nên được sửa đổi và củng cố thêm. Mặc dù kiến thức thực tế còn hạn hẹp, em xin mạnh dạn đưa ra ý kiến đề xuất và mong rằng những ý kiến này sẽ là những giải pháp để tổ chức tốt hơn công tác kế toán tài sản cố định của Công ty.

3.4.2.1 Hoàn thiện công tác kế toán chi tiết TSCĐ:

Hiện nay Công ty chưa mở Sổ chi tiết theo dõi TSCĐ tại đơn vị sử dụng. Mỗi đơn vị hoặc bộ phận (phân xưởng, phòng ban...) trong công ty nên mở một sổ theo dõi TSCĐ để theo dõi cả về nguyên giá và số lượng nhằm phục vụ nhu cầu quản lý tài sản đã cấp cho các phòng, ban là căn cứ để đối chiếu khi tiến hành kiểm kê định kỳ.

Căn cứ để ghi sổ theo dõi TSCĐ theo đơn vị sử dụng là các chứng từ gốc về tăng, giảm TSCĐ và thẻ TSCĐ.

Vì vậy để thuận tiện và đảm bảo tính chặt chẽ trong công tác quản lý TSCĐ, giúp đơn vị sử dụng theo dõi nắm bắt được giá trị và thời điểm tăng giảm TSCĐ tại đơn vị mình quản lý. Công ty mở thêm sổ chi tiết TSCĐ tại đơn vị sử dụng theo mẫu sổ sau:

TẬP ĐOÀN CN THAN – KS VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MTV THAN NAM MẪU – VINACOMIN

Mẫu số S22 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ THEO DÕI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, CCDC TẠI NƠI SỬ DỤNG

Năm 2013

Tên đơn vị sử dụng: Phân xưởng Sàng tuyển

Ghi tăng TSCĐ và CCDC							Ghi giảm TSCĐ và CDCC					Ghi chú
Chứng từ		Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ và CDCD	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Chứng từ		Lý do	Số lượng	Số tiền	
SH	NT						SH	NT				
A	B	C	D	1	2	3=1×2	E	G	H	4	5	I
....
	02/06	Máy nghiền đá xít	Cái	01	450.000.000	450.000.000						

Uông Bí, ngày ... tháng... năm 2013

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.4.2.2 Xử lý một số tài sản chưa đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ và xác định lại khung thời gian trích khấu hao của một số TSCĐ theo Thông tư 45/2013/TT-BTC

❖ Xử lý một số TSCĐ chưa đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ

Khi Thông tư 45/2013/TT-BTC chính thức được áp dụng, kế toán sẽ phải ghi giảm những tài sản còn sử dụng mà không đủ điều kiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC. Đồng thời, ghi nhận những tài sản này thành công cụ dụng cụ hoặc chi phí chờ phân bổ.

Thực hiện bút toán giảm tài sản, giảm giá trị khấu hao và ghi nhận giá trị còn lại của tài sản sẽ phân bổ vào chi phí theo quy định:

Nợ TK 627, 641, 642 (Nếu giá trị còn lại nhỏ)

Nợ TK 142, 242 (Nếu GTCL lớn phải phân bổ dần)

Nợ TK 214 – Hao mòn TSCĐ (Giá trị hao mòn)

Có TK 211 – TSCĐ hữu hình (Nguyên giá TSCĐ)

Hàng tháng thực hiện phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh:

Nợ TK 627,641,642

Có TK 142,242

Ví dụ về một số tài sản sử dụng ở các bộ phận sau:

STT	Tên TSCĐ	Thời gian sử dụng (năm)	Nguyên giá	Ngày đưa vào sử dụng	Bộ phận sử dụng
1	Máy tính Acer	3	10.000.000	10/01/2012	Phòng kế toán
2	Máy tính Samsung	3	15.500.000	01/02/2012	Phòng kế toán
3	Máy điều hòa Panasonic	3	18.000.000	14/03/2012	Phòng kế toán
4	Búa khoan khí ép 7665MZ	5	15.100.000	03/02/2012	PX Sàng tuyển
5	Máy hàn EMC 500	5	26.200.000	15/02/2012	PX Sàng tuyển
...

Ngày 01/02/2012 công ty mua một bộ Máy tính Samsung sử dụng ở phòng kế toán có nguyên giá là 15.500.000đ, thời gian sử dụng 3 năm. Như vậy, kế toán đã tính và trích khấu hao cho TSCĐ này như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{trung bình hàng tháng} \end{array} = \frac{15.500.000}{3 \text{ năm} \times 12 \text{ tháng}} = 430.556 \text{ đ/tháng}$$

Suy ra, số khấu hao từ 01/02/2012 đến ngày 10/06/2013 là:

$$M_{KH} = (430.556 \times 16) + \frac{430.556 \times 9}{30} = 7.018.063 \text{ đ}$$

Do đó: Giá trị còn lại của TSCĐ = 15.500.000 – 7.018.063 = 8.481.937 đ

Vậy bây giờ theo Thông tư 45/2013/TT-BTC áp dụng từ 10/06/2013, TSCĐ phải chuyển đổi sang CCDC, kế toán ghi giảm TSCĐ như sau:

Nợ TK 242: 8.481.937

Nợ TK 214: 7.018.063

Có TK 211: 15.500.000

- Tài sản này sẽ dùng tối đa 3 năm (36 tháng), giá trị phân bổ 1 tháng là:

$$8.481.937 : 36 \text{ tháng} = 235.609 \text{ đ/tháng}$$

- Suy ra số tiền phân bổ cuối tháng 6 (từ 10/06/2013 đến 30/06/2013) là:

$$(235.609 : 30 \text{ ngày}) \times 21 \text{ ngày} = 164.926 \text{ đồng}$$

Kế toán ghi: Nợ TK 642: 164.926

Có TK 242: 164.926

- Các tháng về sau, kế toán phân bổ đều:

Nợ TK 642: 235.609

Có TK 242: 235.609

❖ Xác định lại khung thời gian trích khấu hao của một số TSCĐ

Việc thực hiện quy định về trích khấu hao TSCĐ theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC được thực hiện cho năm tài chính 2013.

Cụ thể, khung thời gian trích khấu hao tối đa của một số máy móc, thiết bị động lực, máy móc, thiết bị công tác mà công ty đang áp dụng theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 203/2009/TT-BTC nay đã được sửa đổi theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC gồm một số máy móc, thiết bị sử dụng ở các bộ phận tại công ty như sau:

ST T	Tên TSCĐ	Nguyên giá	Ngày đưa vào sử dụng	Thời gian trích khấu hao (năm)	
				Đang áp dụng tại công ty (Theo Thông tư 203)	Theo Thông tư 45 mới ban hành
1	Máy phát điện FGWilson	324.680.000	02/03/2010	10	20
2	Máy photo Rich	65.586.364	01/04/2011	10	15
3	Máy bơm bùn	220.000.000	01/01/2011	10	15
4	Máy bơm nước khí nén	350.000.000	15/04/2011	8	15
...

Ví dụ ở công ty sử dụng một máy bơm bùn có nguyên giá 220.000.000 đồng từ ngày 01/01/2011. Thời gian sử dụng xác định theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC là 10 năm. Thời gian đã sử dụng của máy bơm bùn này tính đến hết ngày 31/12/2012 là 2 năm. Số khấu hao lũy kế là 44.000.000 đồng.

- Giá trị còn lại trên sổ kế toán của máy bơm bùn là 176.000.000 đồng.
- Doanh nghiệp xác định thời gian trích khấu hao của máy bơm bùn là 15 năm theo Phụ lục 1 Thông tư số 45/2013/TT-BTC.
- Xác định thời gian trích khấu hao còn lại của máy bơm bùn như sau:

$$\text{Thời gian trích KH còn lại của TSCĐ} = 15\text{năm} \times \left(1 - \frac{2\text{ năm}}{10\text{ năm}}\right) = 12\text{ năm}$$

Như vậy:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm} = \frac{176.000.000}{12\text{ năm}} = 14.666.666\text{ đ/năm}$$

Suy ra:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng} = \frac{14.666.666}{12\text{ tháng}} = 1.222.222\text{ đ/tháng}$$

Từ ngày 01/01/2013 đến hết ngày 31/12/2024, công ty trích khấu hao đối với máy bơm bùn này vào chi phí kinh doanh mỗi tháng là 1.222.222 đ.

Để việc chuyển đổi có tính căn cứ để sử dụng khi Quyết toán, thanh tra kiểm tra với cơ quan thuế, công ty nên thực hiện việc đăng ký bằng văn bản với các thông tin cơ bản như sau:

- Danh mục TSCĐ không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá TSCĐ chuyển đổi sang công cụ dụng cụ.
- Danh mục TSCĐ theo Thông tư 45 có sự thay đổi về thời gian trích khấu hao, phương pháp khấu hao.
- Thời gian phân bổ của từng loại CCDC (không quá 3 năm).

3.4.2.3 Hiện đại hóa công tác kế toán

Hiện nay số lượng sổ sách kế toán của công ty là rất lớn, bộ phận kế toán đã phải làm việc khá vất vả. Vì vậy, để giảm nhẹ khối lượng công việc đồng thời giúp công ty tăng cường công tác quản lý, công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán máy vào công tác kế toán.

Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán máy phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp. Ví dụ như phần mềm kế toán máy MedaData, phần mềm Esoft... Tuy nhiên theo em, công ty nên sử dụng phần mềm kế toán Esoft để hạch toán.

➤ Phần mềm kế toán máy Esoft có khả năng hỗ trợ khối lượng dữ liệu lớn hàng triệu bản ghi/năm, hỗ trợ dữ liệu trong nhiều năm cùng trên một cơ sở dữ liệu, hỗ trợ các chế độ kế toán thông dụng: Nhật ký chứng từ, Chứng từ ghi sổ... Hệ thống chứng từ sổ sách tuân theo chuẩn mực mới nhất do Bộ tài chính quy định. Đặc biệt rất phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh đặc trưng của Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu – Vinacomin (tính giá thành theo giai đoạn...). Ngoài ra, phần mềm này còn có rất nhiều các chức năng khác giúp cho việc hạch toán kế toán, cung cấp thông tin một cách nhanh chóng, chính xác, kịp thời. Vì vậy, công ty nên sử dụng phần mềm kế toán máy Esoft.

Esoft là kinh tế (Economic), Hiệu quả (Effective) và dễ sử dụng (Easy)



Economic, Effective & Easy to use.
Kinh tế, hiệu quả và dễ sử dụng.

Soft PHÂN MỀM KẾ TOÁN.
PHẦN MỀM QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP.

Giải thưởng Sao Khuê 2006
vinasa
PHÂN MỀM ƯU VIỆT

Sản phẩm của công ty phần mềm ESOFT
Tel: (04) 942 1586 Fax: (04) 942 1925 Web: <http://www.esoft.com.vn/> Email: Info@esoft.com.vn
Giải Sao Khuê - 2006
Cúp CNTT - 2005 của Hội tin học VN

3.2.2.4 Một số giải pháp khác

-Tăng cường đổi mới TSCĐ:

Tài sản cố định giữ vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Trong đó chủ yếu là máy móc thiết bị phục vụ trực tiếp cho sản xuất kinh doanh. Bổ sung TSCĐ là nhân tố quan trọng nâng cao hiệu quả kinh doanh và việc sử dụng TSCĐ hiệu quả thông qua việc giảm các chi phí sửa chữa và tăng năng suất lao động. Vì thế Công ty nên cường hơn nữa công tác bảo dưỡng, bảo trì nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cho tài sản, đặc biệt là các trang thiết bị tiên tiến.

-Tăng cường công tác quản lý TSCĐ:

Việc phân cấp quản lý TSCĐ tuy chặt chẽ nhưng vẫn chưa tránh khỏi những thiếu sót, công ty chưa có biện pháp thưởng phạt phân minh đối với tập thể, cá nhân trong việc quản lý TSCĐ, chưa gắn được trách nhiệm của người dùng đối với các tài sản cố định họ đang sử dụng.

Khi đưa vào sử dụng cần phân rõ trách nhiệm quyền hạn cho các bộ phận, phòng ban, tránh tình trạng chồng chéo chức năng. Công ty cũng nên có các giải pháp về trách nhiệm vật chất nhằm tác động trực tiếp đến việc quản lý sử dụng tài sản cố định, cần khuyến khích các sáng kiến nâng cao công suất sử dụng máy móc thiết bị. Mặt khác, Công ty cũng nên có những biện pháp thưởng, phạt phân minh đối với cả tập thể và cá nhân trong việc quản lý tài sản cố định, phân rõ trách nhiệm cho từng người trong việc quản lý, bảo quản tài sản cố định mình trực tiếp sử dụng.

- Nâng cao trình độ của CBCNV:

- ✓ **Về đội ngũ cán bộ quản lý:** Công ty nên tổ chức bồi dưỡng cho cán bộ quản lý TSCĐ các khóa học ngắn hạn để họ tiếp cận với các khoa học kỹ thuật tiên tiến, nâng cao chuyên môn cho đội ngũ quản lý và hiệu quả sử dụng máy móc tiên tiến trong công ty.
- ✓ **Về đội ngũ chuyên môn kỹ thuật trực tiếp sử dụng TSCĐ:** Công nghệ ngày càng thay đổi theo sự vận động đi lên của xã hội, do vậy trình độ của đội ngũ sử dụng trực tiếp cần được nâng cao. Công ty nên phát huy vai trò tự chủ, năng động sáng tạo và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ công nhân viên sử dụng công nghệ thông qua các hoạt động khen thưởng sáng kiến, mở các lớp bồi dưỡng ngắn ngày, hoàn thiện kỹ năng tay nghề.

KẾT LUẬN

TSCĐ là cơ sở vật chất không thể thiếu trong quá trình sản xuất kinh doanh tại mỗi doanh nghiệp nói riêng và trong nền kinh tế Quốc dân nói chung. Kế toán TSCĐ và phân tích tình hình sử dụng TSCĐ không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng quản lý, sử dụng TSCĐ mà còn có ý nghĩa thiết thực trong quá trình định hướng đầu tư.

Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mầu – Vinacomin đã nắm bắt được vấn đề này và đi sâu vào khai thác TSCĐ một cách có hiệu quả. Công ty đã đầu tư đúng đắn vào TSCĐ, đổi mới trang thiết bị, quản lý và sử dụng tài sản có hiệu quả để nâng cao năng lực sản xuất tạo ra những chủng loại than có chất lượng cao trên một nền tảng tình hình tài chính ổn định.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mầu – Vinacomin đã giúp em vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tế đồng thời từ quá trình thực tập thực tế đã giúp em học hỏi được nhiều điều từ sự vận dụng linh hoạt chế độ kế toán cho phù hợp với từng đặc điểm riêng biệt của từng đơn vị, từng công ty.

Do trình độ lý luận và thực tiễn còn hạn chế, thời gian thực tập có hạn, nên bài khóa luận tốt nghiệp của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự giúp đỡ, góp ý của thầy, cô giáo và của phòng kế toán công ty để chuyên đề của em được phong phú và lý luận sát với thực tiễn ở công ty.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ, hướng dẫn tận tình của các anh chị và cô chú phòng Tài chính – Thống kê – Kế toán của công ty đã tạo điều kiện giúp đỡ em trong quá trình thực tập. Đặc biệt, em xin chân thành cảm ơn cô giáo hướng dẫn Ths. Nguyễn Thị Mai Linh đã giúp em hoàn thiện bài khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2014

Sinh viên

Phạm Thị Thu Hà

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1): Hệ thống tài khoản kế toán – Nhà xuất bản tài chính Hà Nội.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2): Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán – Nhà xuất bản tài chính Hà Nội.
3. Hướng dẫn thực hiện kế toán doanh nghiệp.
4. Giáo trình kế toán tài chính – Nhà xuất bản Trường đại học kinh tế quốc dân (Hà Nội - 2012).
5. Web: ketoanthucte.com.vn.
6. Các số liệu, sổ sách chứng từ của Công ty TNHH một thành viên Than Nam Mẫu – Vinacomin
7. Một số báo cáo khóa luận của khóa trước.